



BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Trình bày

Nguyễn Hữu Thanh Bình – PGĐ Sở TT&TT



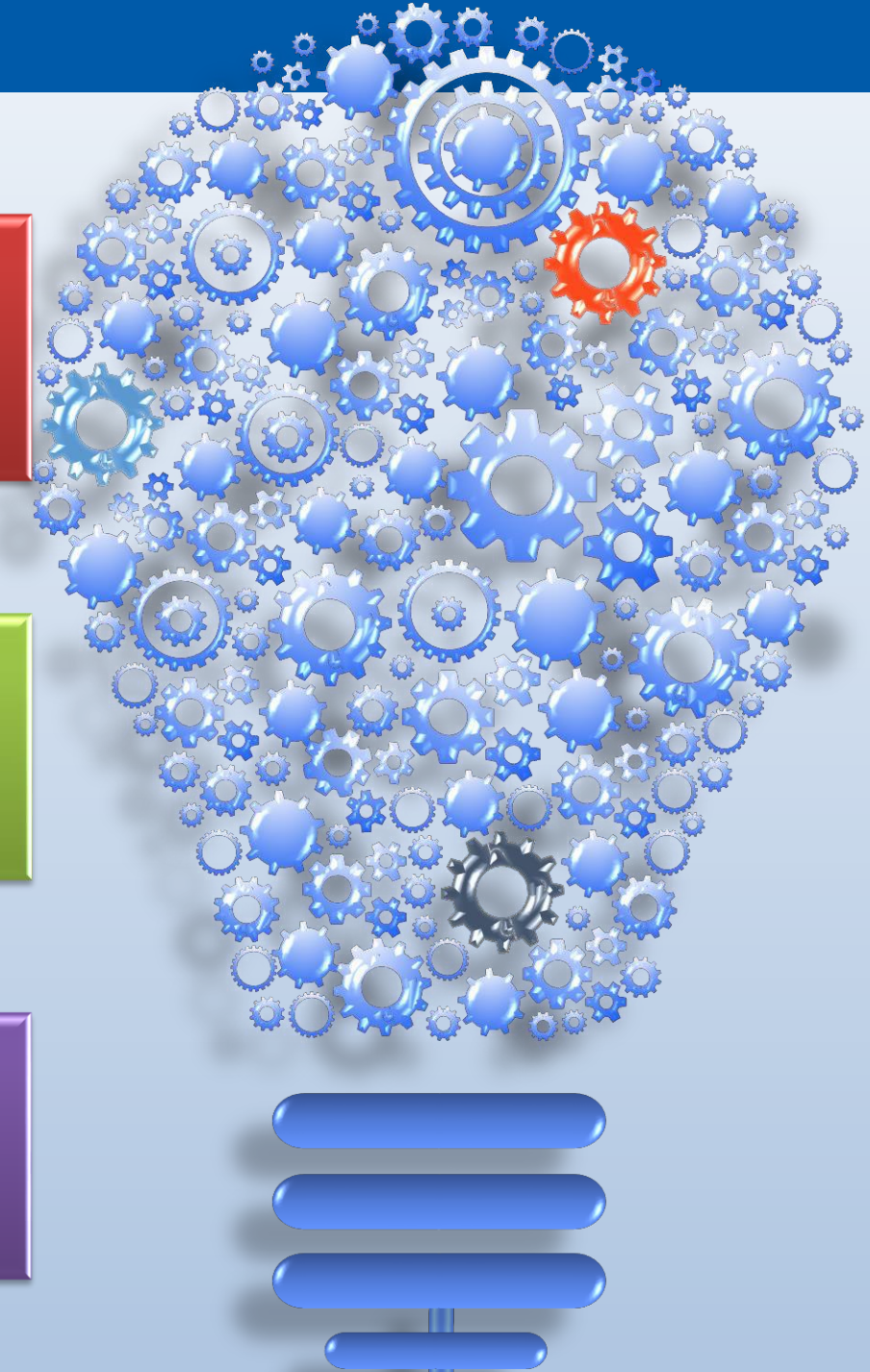


NỘI DUNG BÁO CÁO

1 Một số vấn đề chung về Chuyển đổi số

2 Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia

3 Định hướng Chuyển đổi số TP Cần Thơ





MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ



Chuyển đổi số là gì?

Gartner: chuyển đổi số là việc sử dụng các công nghệ số để thay đổi mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới

Microsoft: cho rằng chuyển đổi số là việc tư duy lại cách thức các tổ chức tập hợp mọi người, dữ liệu và quy trình để tạo ra những giá trị mới

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên công nghệ số.





MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

CHUYỂN ĐỔI

Là sự thay đổi mọi mặt về quy trình, phương thức sản xuất kinh doanh... của doanh nghiệp tuy nhiên nhấn mạnh nhất là **SỰ THAY ĐỔI VỀ TƯ DUY** của người đứng đầu tổ chức/doanh nghiệp.

CHUYỂN ĐỔI SỐ

SỐ

Là công nghệ số, đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình chuyển đổi số. Bốn công nghệ số tiêu biểu thúc đẩy chuyển đổi số là:

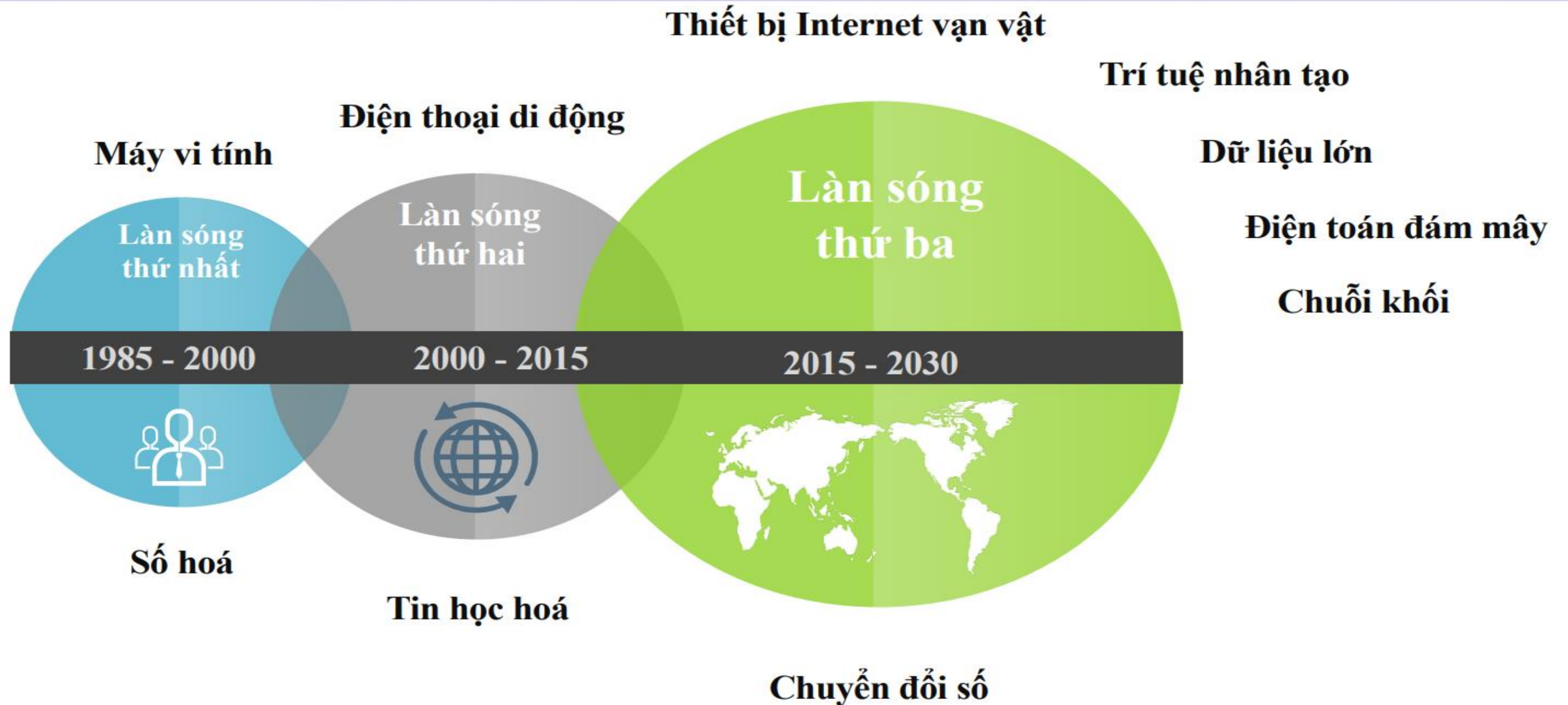
- 1) Trí tuệ nhân tạo (AI)
- 2) Internet vạn vật (IoT)
- 3) Dữ liệu lớn (Big Data)
- 4) Điện toán đám mây (Cloud Computing).

Ngoài ra, công nghệ chuỗi khối (Blockchain) cũng là 1 công nghệ số quan trọng của chuyển đổi số.



MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Công nghệ số





MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Sự kết hợp công nghệ





MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin

CNTT: Phần mềm/máy tính, tự động hoá các việc thủ công

CNTT thay lao động chân tay

Ứng dụng CNTT

Ứng dụng CNTT

VD: Ứng dụng CNTT dùng máy tính/phần mềm viết báo cáo

Công nghệ số

Công nghệ số là sự phát triển tiếp theo của CNTT

CNS nói đến công nghệ mới của CMCN 4.0 (AI, Big Data...)

CNS thay trí tuệ con người

Chuyển đổi số

CĐS là sự phát triển tiếp theo của ứng dụng CNTT

CĐS là dữ liệu có trong hệ thống



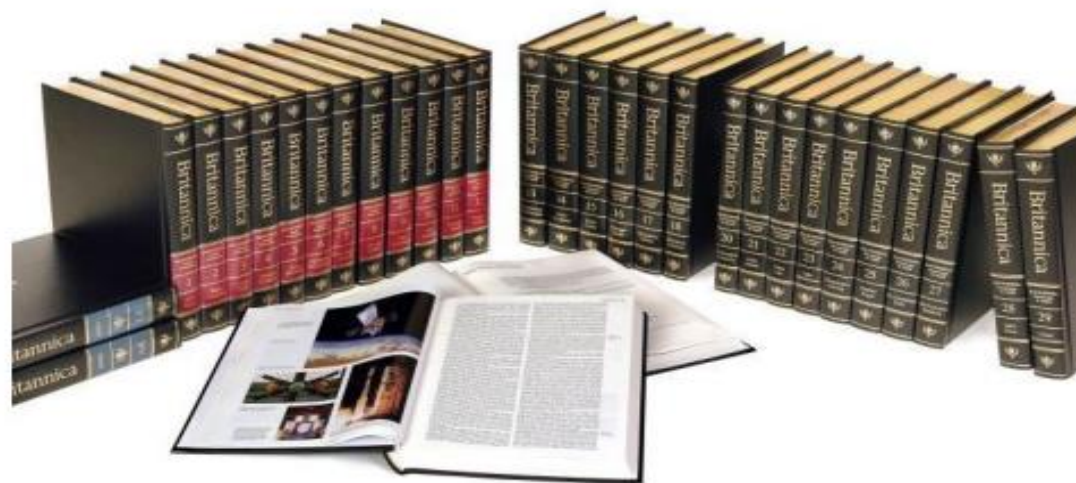
MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ



Britannica

Công ty thành lập năm 1768, kinh doanh theo mô hình bán nội dung chất lượng cao phục vụ giáo dục.

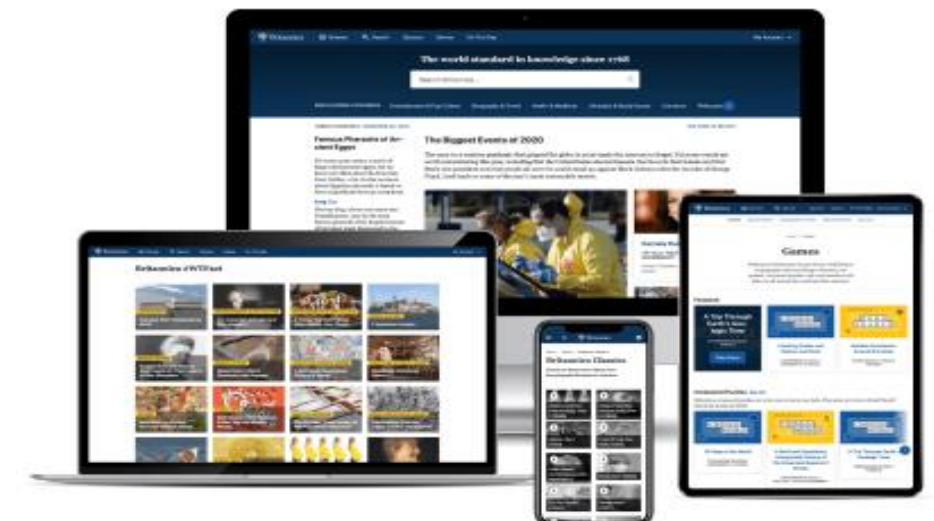
Truyền thông
Nội dung chất lượng cao
Bán sản phẩm (sách)



Ứng dụng CNTT
Nội dung chất lượng cao
Bán sản phẩm (đĩa CD)



Chuyển đổi số
Nội dung chất lượng cao
Bán dịch vụ truy cập



Sự thay đổi về bản chất (**CÁ THỂ HOÁ**):

Hiện diện khi người dùng cần + Thấu hiểu cái người dùng nghĩ + Có ngay khi người dùng muốn





MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Grab

Công ty thành lập năm 2012, không sở hữu bất cứ lái xe hay chiếc xe taxi nào, thay đổi cách thức cung cấp và sử dụng dịch vụ taxi của mọi người.

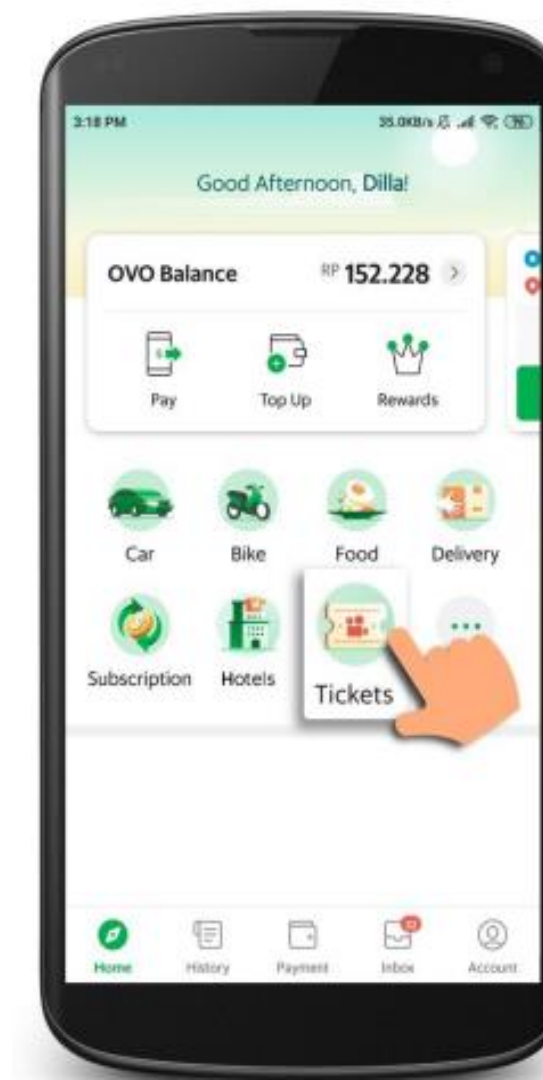
Truyền thống
Bán dịch vụ vận tải



Ứng dụng CNTT
Bán dịch vụ vận tải
Tổng đài



Chuyển đổi số
Bán dịch vụ kết nối
Superapp



Sự thay đổi về bản chất (**SỰ THAM GIA CỦA NHIỀU BÊN – CO-CREATION**):
Hiện diện khi người dùng cần + Thấu hiểu cái người dùng nghĩ + Có ngay khi người dùng muốn
+ Tận dụng các nguồn lực nhàn rỗi trong xã hội



MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ



Đồng hồ

$$\left(\frac{C-B}{3} \right) = \left(\frac{A}{3B} \right) = \frac{3C(2)^4}{X+Y+C}$$



Sách



Nhạc

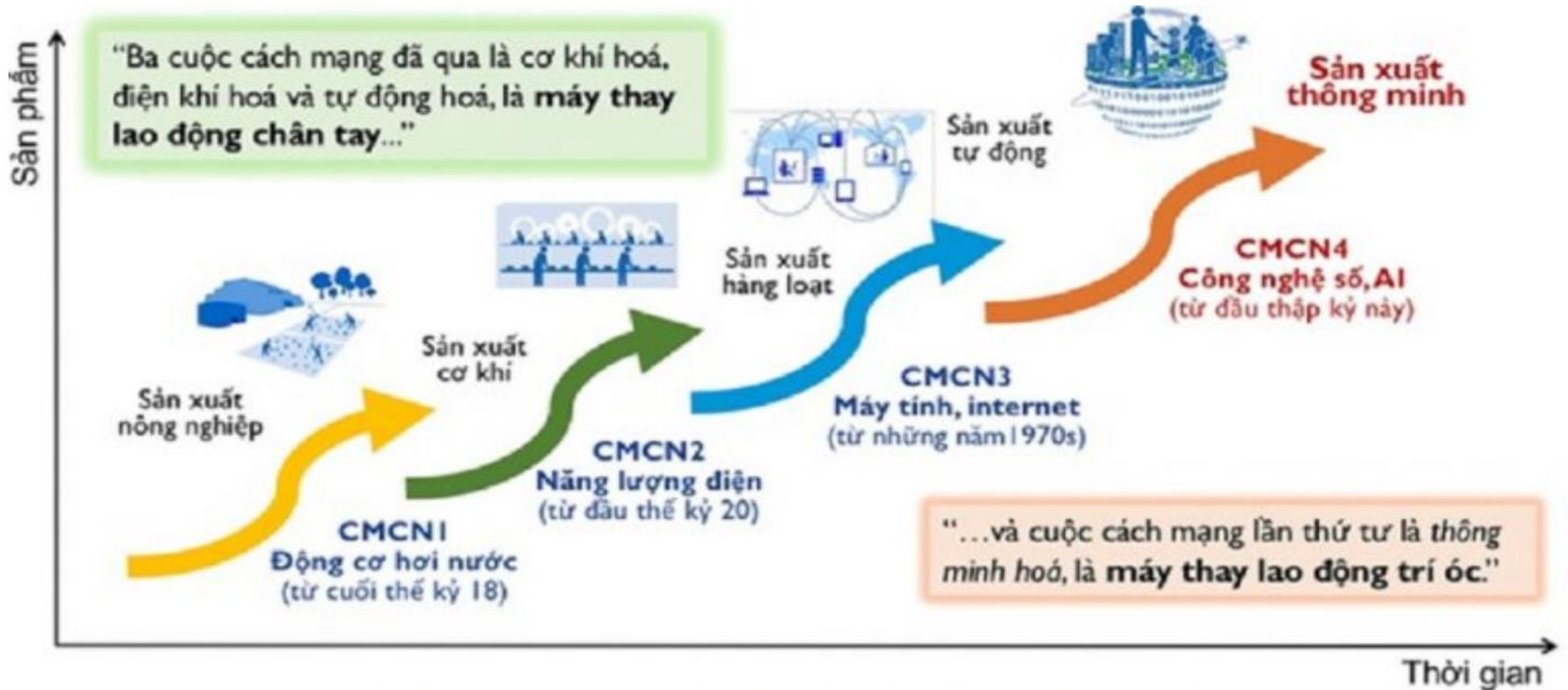


Ô tô



MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Mối quan hệ giữa Chuyển đổi số và CMCN lần thứ tư: CDS là cốt lõi của CMCN4; AI là công nghệ số then chốt



Sơ đồ minh họa những cuộc cách mạng công nghiệp



MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ





MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chính phủ số, Chính quyền số?

Chính phủ điện tử là gì?

Chính phủ điện tử là chính phủ ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Hay nói một cách khác, đây là quá trình tin học hóa các hoạt động của chính phủ.

Chính phủ số là gì?

Chính phủ số là chính phủ đưa toàn bộ hoạt động của mình lên môi trường số, không chỉ là nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, mà còn ***đổi mới mô hình hoạt động, thay đổi cách thức cung cấp dịch vụ dựa trên công nghệ số và dữ liệu***, cho phép doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ.

Chính quyền số là chính phủ số được triển khai tại các cấp chính quyền địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã).



MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Điểm khác nhau giữa Chính phủ điện tử và Chính phủ số là gì?

Tiêu chí	Chính phủ điện tử	Chính phủ số
<i>Về quy trình nghiệp vụ, phương thức cung cấp DVC</i>	Dịch vụ trực tuyến (online service)	Dịch vụ số (digital service)
<i>Thước đo hiệu quả cung ứng DVC</i>	Số lượng thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến	Số lượng TTHC cũ giảm đi, số lượng DVC số mới được tạo ra nhờ công nghệ số và dữ liệu.
<i>Công cụ chính</i>	CNTT là trung tâm.	DỮ LIỆU là trung tâm (khái niệm CNTT được thay bằng nền tảng số)
<i>Chủ thể chính</i>	Chỉ các cơ quan nhà nước	Ngoài các CQNN còn có sự tham gia của bên thứ 3 (người dân, DN).
<i>Công nghệ</i>	CPĐT chủ yếu sử dụng CNTT như công nghệ Web, Server	CPS chủ yếu sử dụng công nghệ số của cuộc CMCN 4.0 với điện toán đám mây, Internet vạn vật, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo...;
<i>Người dẫn dắt</i>	Giám đốc CNTT	Người đứng đầu



MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chính phủ điện tử là chính phủ 4 “không”



Xử lý văn bản
không giấy



Họp **không**
gặp mặt



Giải quyết
thủ tục hành
chính **không**
tiếp xúc



Thanh toán
dịch vụ
không sử
dụng tiền mặt

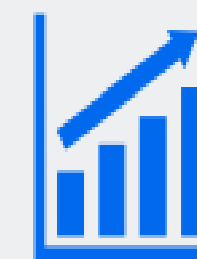
Chính phủ số là chính phủ điện tử + 4 “có”



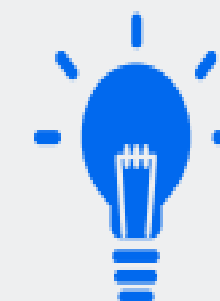
Có toàn bộ
hoạt động
trên môi
trường số



Có khả năng
cung cấp
dịch vụ mới



Có khả năng hỗ
trợ đưa ra
quyết định dựa
trên dữ liệu



Có khả năng giải
quyết các bài
toán khó
(y tế, giáo dục...)



MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

KINH TẾ SỐ

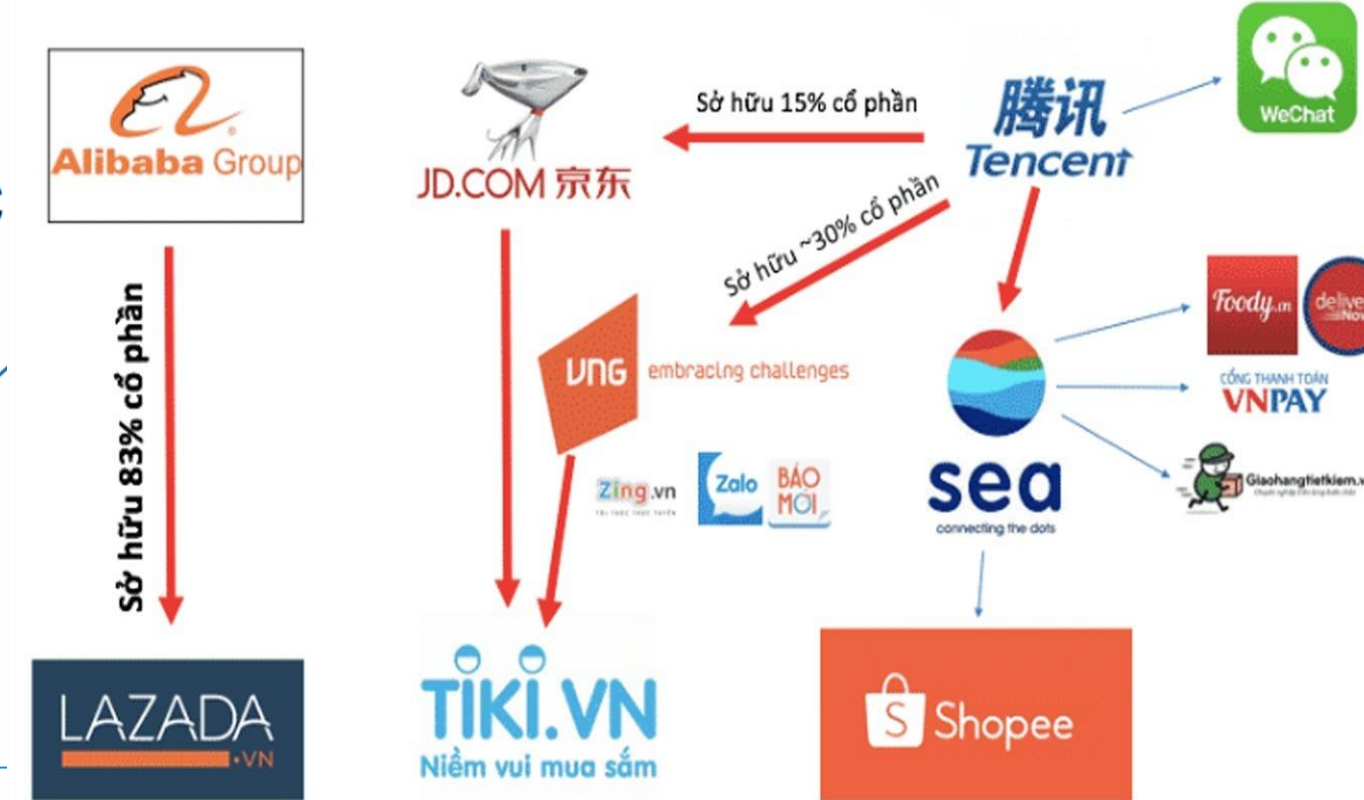
- Kinh tế số là nền kinh tế dựa trên công nghệ số và nền tảng số, với các hoạt động kinh tế về và bằng công nghệ số và nền tảng số, đặc biệt là các giao dịch điện tử tiến hành trên internet.
- Kinh tế số gồm 3 cấu phần: Kinh tế số ICT/VT (Kinh tế số ICT); Kinh tế số Internet/nền tảng (Kinh tế số internet) và Kinh tế số ngành/lĩnh vực (Kinh tế số ngành).



CÁC CẤU PHẦN KINH TẾ SỐ

Grab app interface showing services: Truyền thống Bán dịch vụ vận tải (Traditional transport services), Ứng dụng CNTT Bán dịch vụ vận tải Tổng đài (Digital transport services), and Chuyển đổi số Bán dịch vụ kết nối Superapp (Digital transformation services).

Công ty thành lập năm 2012, không sở hữu bất cứ lái xe hay chiếc xe taxi nào, thay đổi cách thức cung cấp và sử dụng dịch vụ taxi của mọi người.





MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

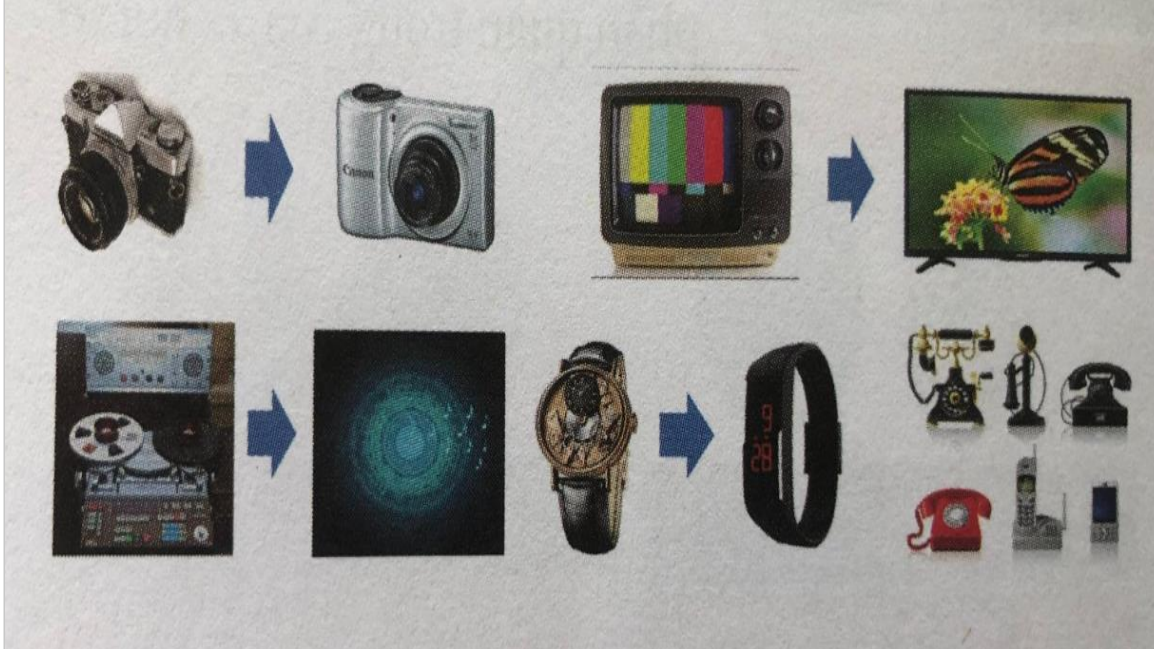
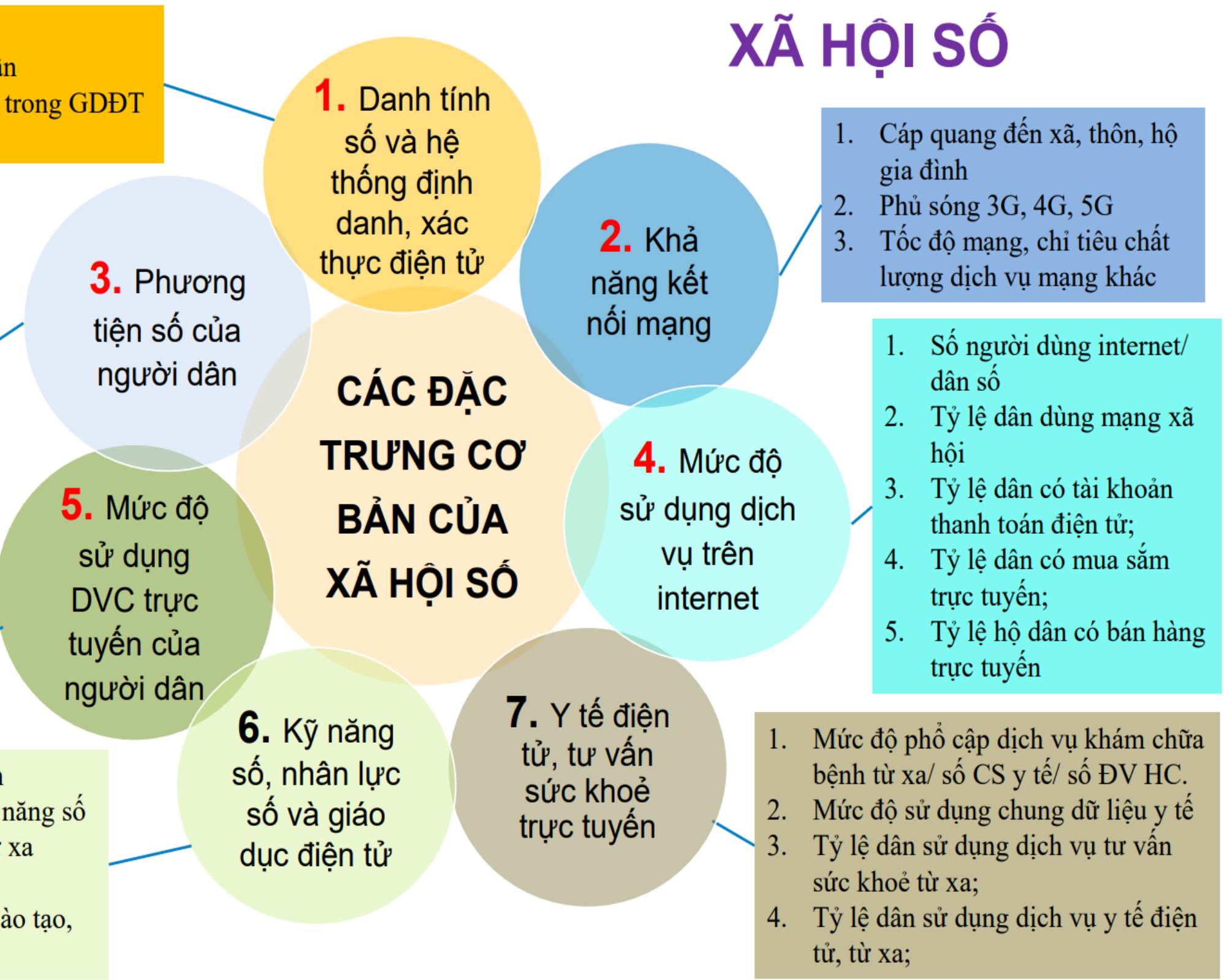
Xã hội số là XH của con người trong môi trường số, ở đó có nhiều dịch vụ và nền tảng số giúp cho cuộc sống con người được thuận tiện và dễ dàng hơn, công ăn việc làm nhiều hơn với năng suất lao động cao hơn, XH an toàn và nhân văn

- 1. Tỷ lệ dân số có danh tính số
- 2. Hệ thống định danh số cá nhân
- 3. Mức độ sử dụng danh tính số trong GDDT
- 4. Bảo vệ dữ liệu cá nhân

- 1. Smart phone/dân số
- 2. Số thiết bị IoT cá nhân trên đầu người
- 3. Số thiết bị IoT công cộng trên đầu người
- 4. Tỷ lệ dân số sử dụng mạng xã hội
- 5. Tỷ lệ apps địa phương
- 6. Số tên miền/đầu người

- 1. Tỷ lệ dân số dùng DVC trực tuyến
- 2. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến
- 3. Chất lượng và mức độ thuận tiện DVC

- 1. Tỷ lệ dân có kỹ năng số cơ bản
- 2. Tỷ lệ dân được tập huấn về kỹ năng số
- 3. Tỷ lệ số môn học có đào tạo từ xa
- 4. Số nhân lực công nghệ số
- 5. Số sinh viên CNS đang được đào tạo, tốt nghiệp hàng năm





MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chuyển đổi số vì sao lại cần? Lợi ích Chuyển đổi số?

Chuyển đổi số không chỉ giúp tăng năng suất, giảm chi phí mà còn mở ra không gian phát triển mới, tạo ra các giá trị mới ngoài các giá trị truyền thống vốn có.

Chính phủ số: giúp Chính phủ hoạt động hiệu quả, hiệu lực hơn, minh bạch hơn, giảm tham nhũng; nhờ dữ liệu số và công nghệ số thấu hiểu người dân hơn, vì vậy, cung cấp dịch vụ số tốt hơn, chăm sóc người dân tốt hơn

Kinh tế số: thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo ra giá trị mới, giúp tăng năng suất lao động, tạo động lực tăng trưởng mới, thoát bẫy thu nhập trung bình; cho phép mỗi người dân có thể tiếp cận toàn bộ thị trường một cách nhanh chóng theo cách chưa từng có

Xã hội số: giúp người dân bình đẳng về cơ hội tiếp cận dịch vụ, đào tạo, tri thức, thu hẹp khoảng cách phát triển, giảm bất bình đẳng, mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn, chất lượng hơn

Việt Nam có cơ hội chuyển đổi số không?

Tại sao nói chuyển đổi số là cuộc cách mạng toàn dân?





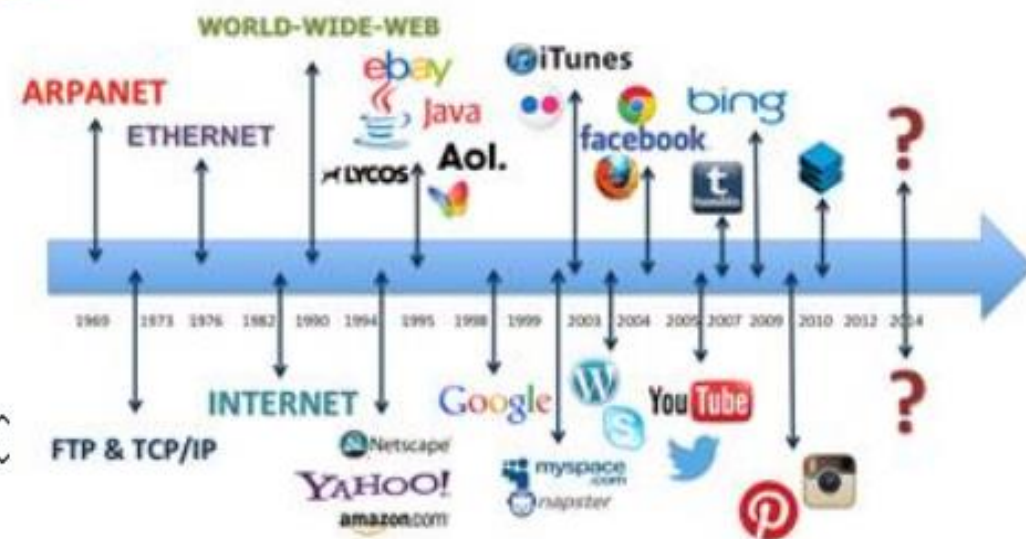
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Khó khăn và thách thức lớn nhất của chuyển đổi số là gì?

Khó khăn lớn nhất của chuyển đổi số là thay đổi **thói quen**.

Thách thức lớn nhất của chuyển đổi số là có **nhận thức đúng**.

Chuyển đổi số



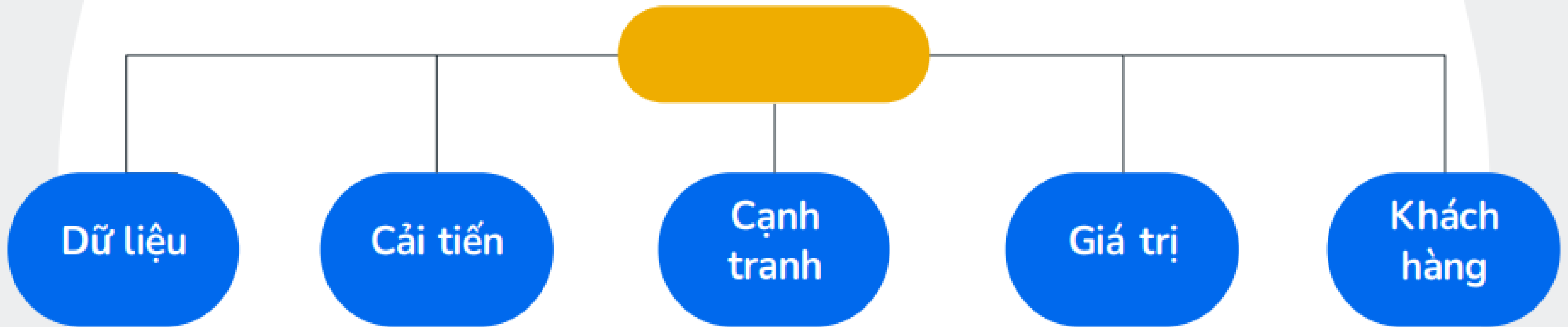
- Định luật:
- Moore
 - Butter
 - Kryder





MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Các vấn đề cần quan tâm để
tạo sự chuyển đổi





MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Các bước tạo sự thay đổi bằng tư duy thiết kế

Cảm thông



Xác định



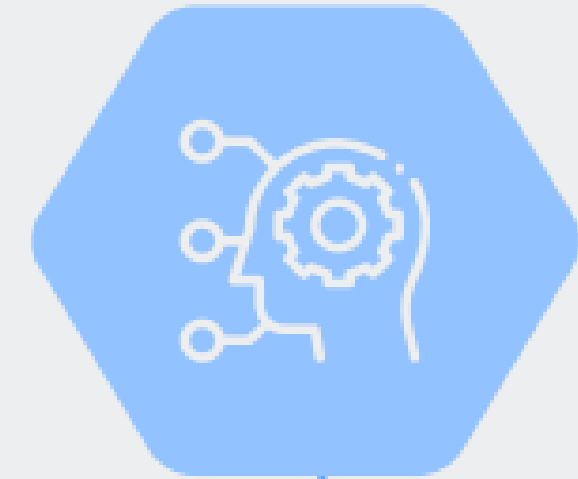
Lên ý tưởng



Xây dựng thử nghiệm



Thử nghiệm thực tế





MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

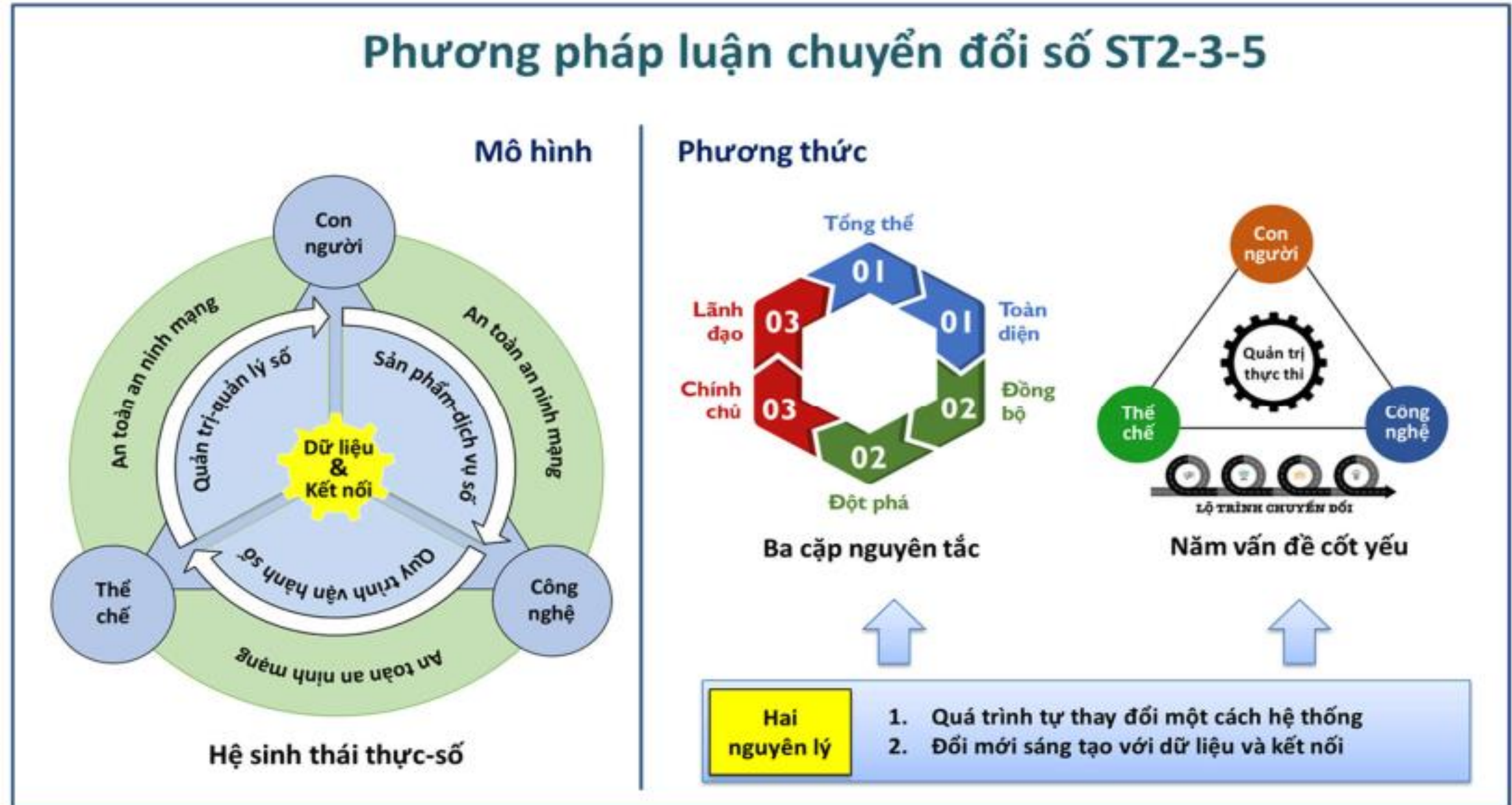




MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Các thành phần của phương pháp luận chuyển đổi số ST2-3-5

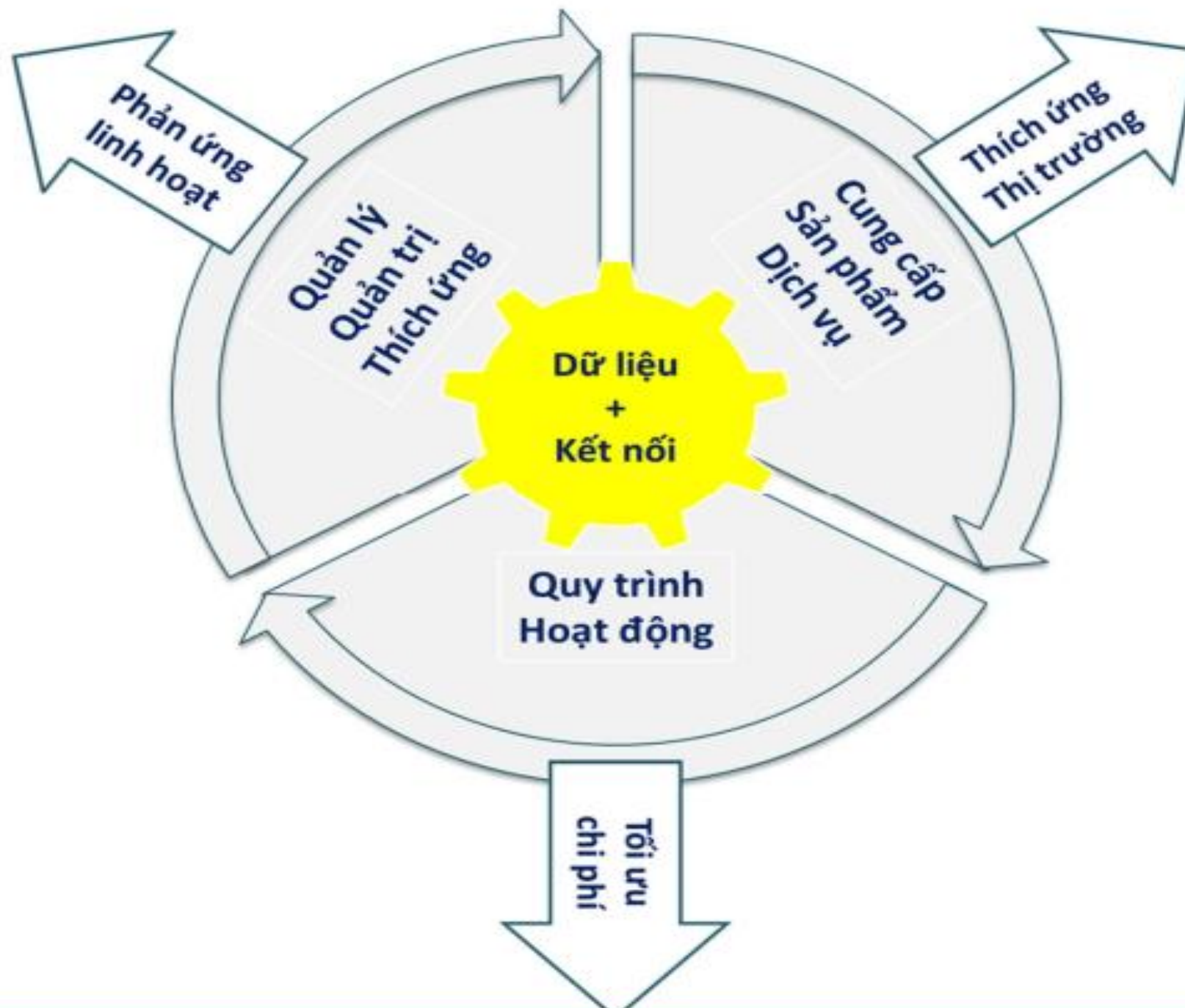
- Hệ sinh thái mô tả tám thành phần của một tổ chức như một hệ thực số, sử dụng như một mô hình để thiết kế tổ chức thực số (đích đến) cũng như để đánh giá hiện trạng tổ chức
- Hai nguyên lý mô tả bản chất của quá trình chuyển đổi số
- Ba cặp nguyên tắc hướng dẫn cách tiến hành chuyển đổi số một cách hiệu quả
- Năm vấn đề cốt yếu mô tả các vấn đề cần giải quyết đồng bộ khi tiến hành mỗi hoạt động chuyển đổi số





MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chuyển đổi số là thay đổi phương thức hoạt động



Chuyển đổi số không phải là thêm một việc phải làm mà là thêm một cách để làm



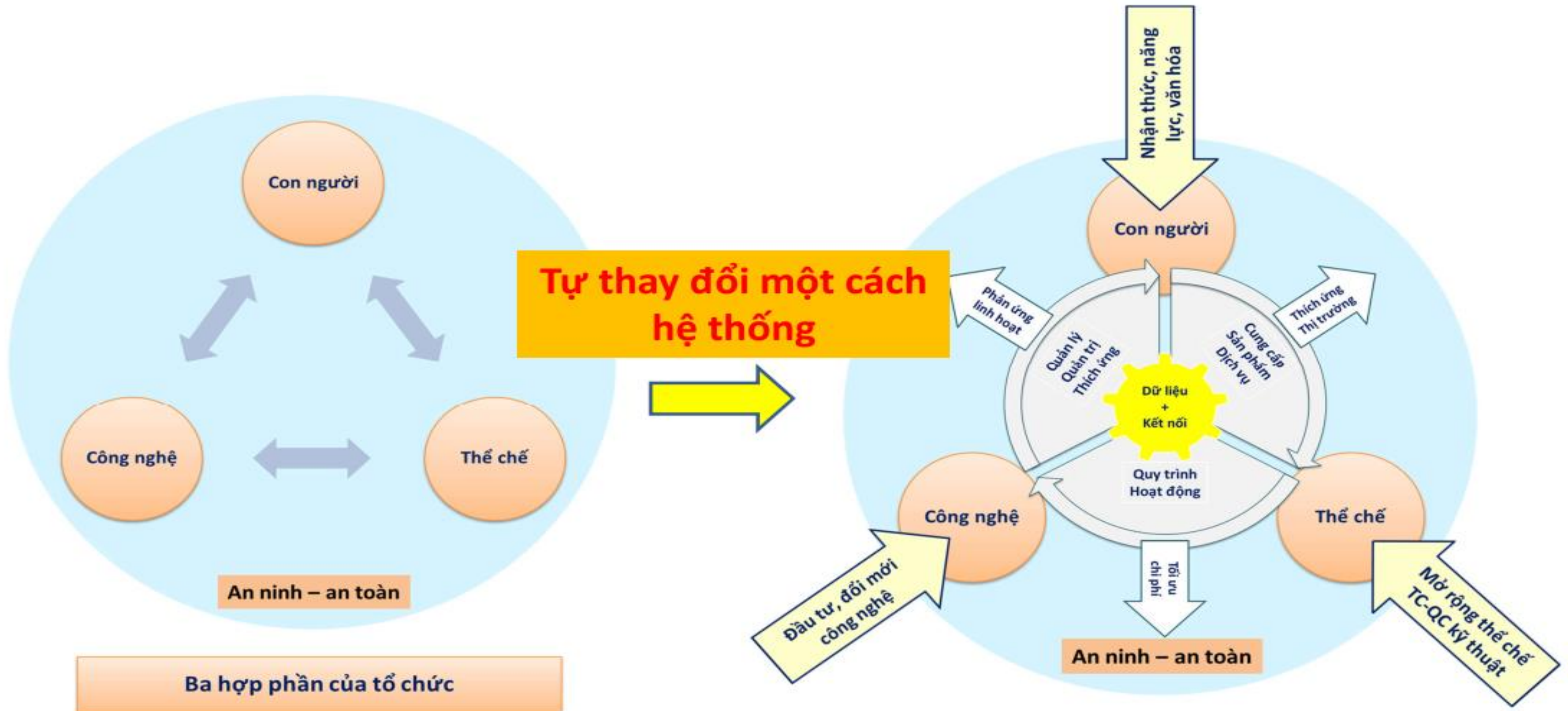
Chuyển đổi số tổ chức không phải là một khoản chi mà là một khoản đầu tư

Đổi mới sáng tạo với dữ liệu và kết nối



MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Tái cấu trúc để thay đổi phương thức hoạt động

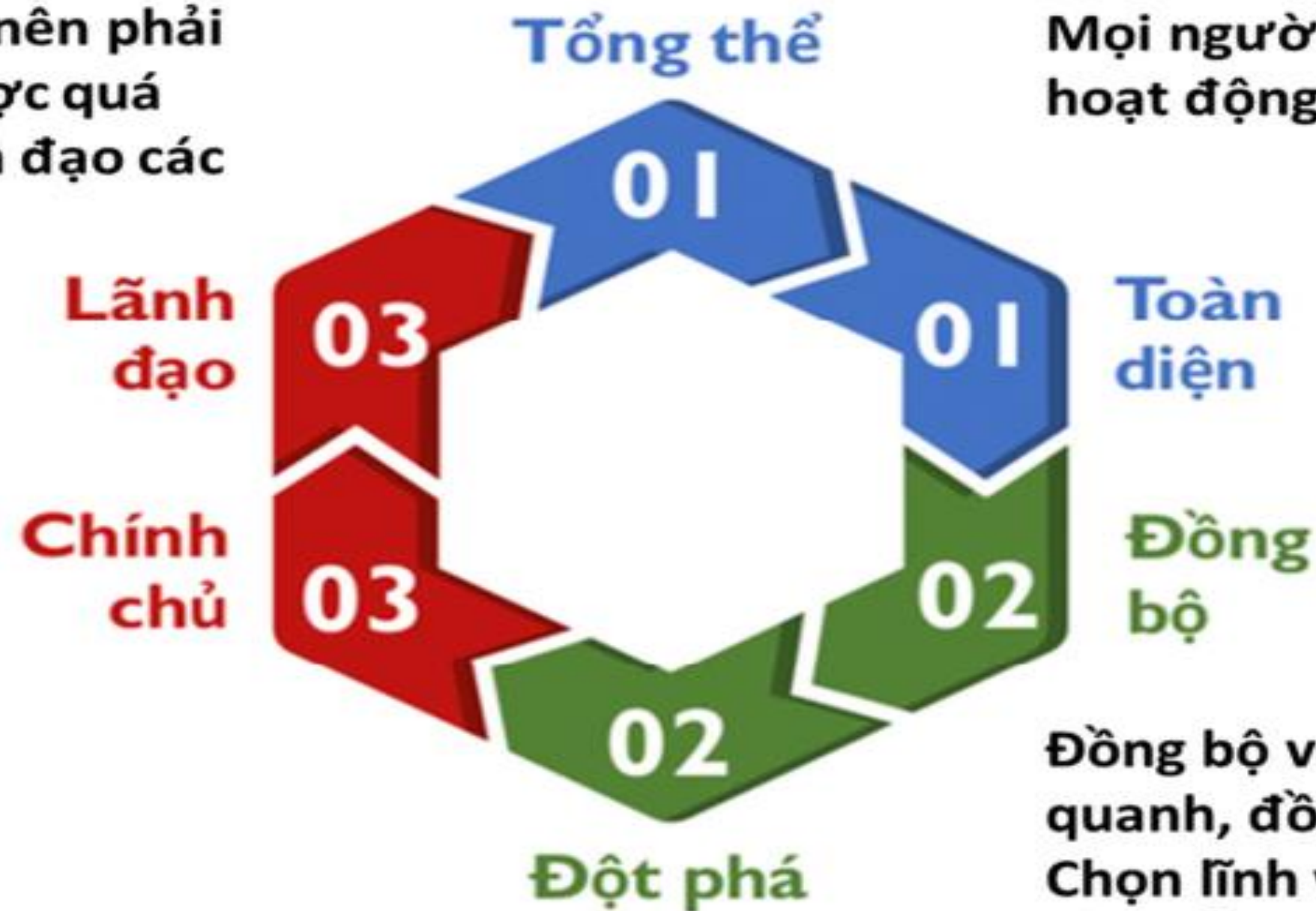




MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ba cặp nguyên tắc cần tuân thủ khi chuyển đổi số

Quá trình tự thay đổi nên phải tự làm và làm chủ được quá trình chuyển đổi. Lãnh đạo các cấp phải tham gia



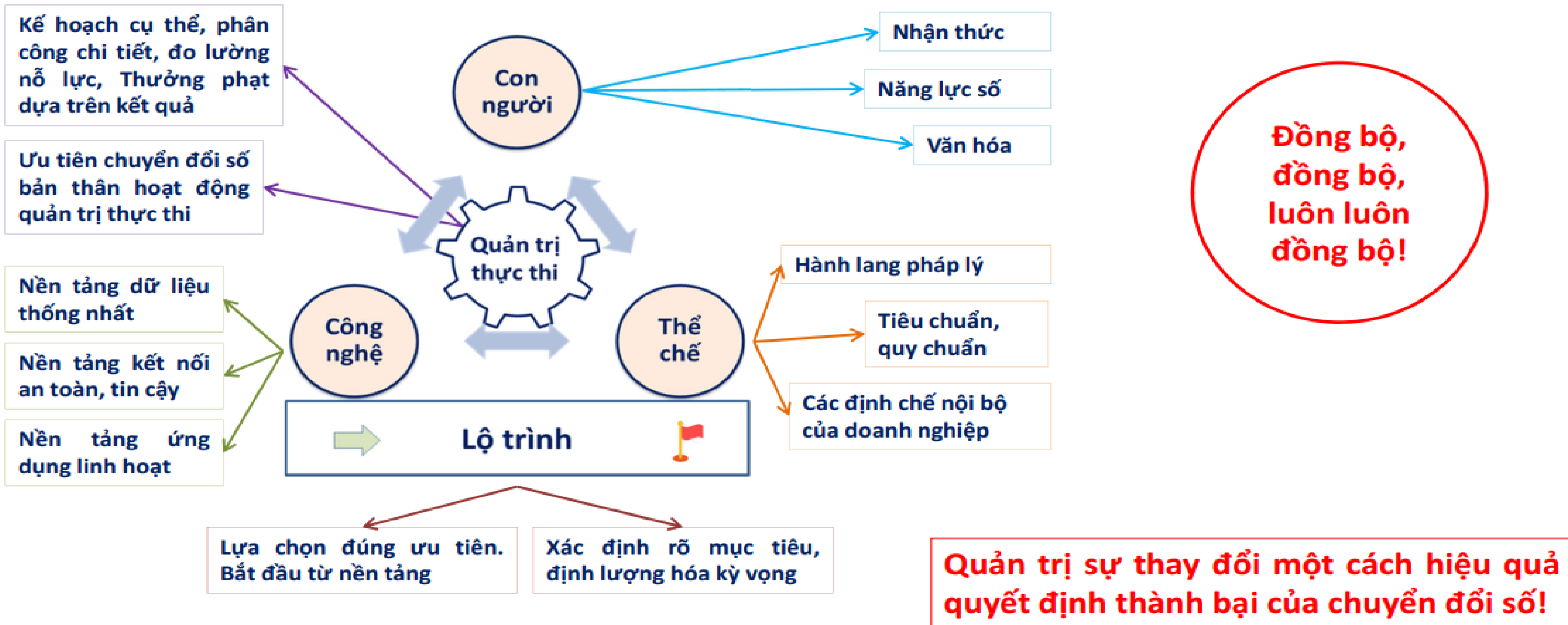
Mọi người, mọi bộ phận, mọi hoạt động đều cần chuyển đổi

Đồng bộ với môi trường xung quanh, đồng bộ trong nội bộ. Chọn lĩnh vực có tác động lan tỏa để đột phá



MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Năm nhóm vấn đề cần giải quyết đồng bộ





2



CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA



MỘT SỐ VĂN BẢN QUAN TRỌNG CỦA TRUNG ƯƠNG

1. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành **Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**
2. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt **Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**
3. Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt **Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**
4. Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt **Đề án Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**
5. Quyết định số 377/QĐ-BTTTT ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi số
6. Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số



CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Tầm nhìn 2030: Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong và thử nghiệm các mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp

Tầm nhìn

Chương trình Chuyển đổi số quốc gia
Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Chuyển đổi số theo các trụ cột

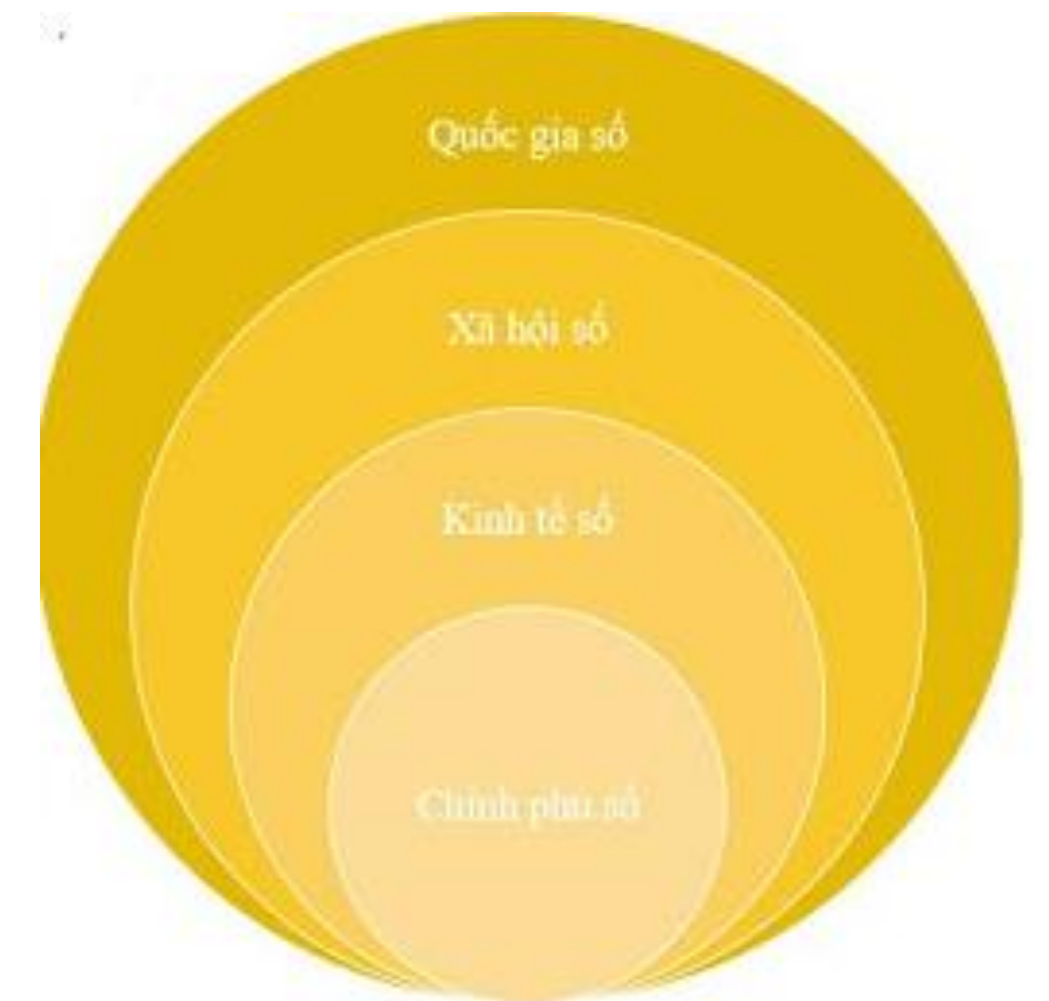
Chính phủ số

Kinh tế số

Xã hội số

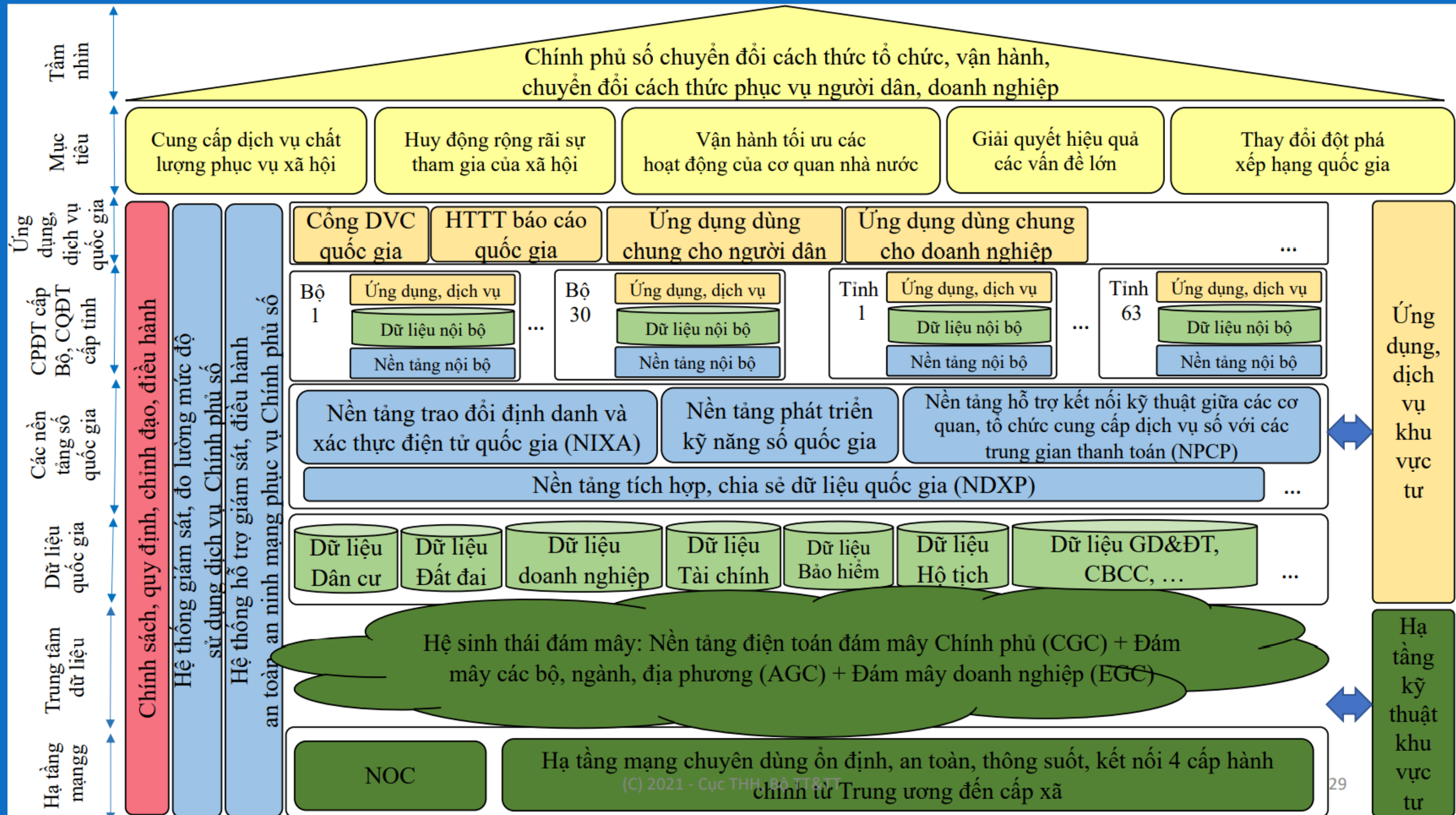
Một số mục tiêu lớn

Chính phủ số	Kinh tế số	Xã hội số
<ul style="list-style-type: none"> - 80% DVC mức 4, mobile - 90% hồ sơ điện tử cấp Bộ, tỉnh - 80% hồ sơ điện tử cấp huyện - 60% hồ sơ điện tử cấp xã - 100% CSDL QG hoàn thành - 50% kiểm tra trực tuyến - Việt Nam: Top 70 EGDI 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế số 20% GDP - Tỷ trọng kinh tế số lĩnh vực 10% - Năng suất lao động tăng 7% - Việt Nam: Top 50 IDI - Việt Nam: Top 50 GCI - Việt Nam: Top 35 GII 	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp quang: 100% xã, 80% gia đình - Phổ cập 4G/5G và smartphone - Thanh toán điện tử: 50% - Việt Nam: Top 30 GCI



- **8 lĩnh vực ưu tiên:** y tế; giáo dục; tài chính - ngân hàng; nông nghiệp; giao thông vận tải và logistics; năng lượng; tài nguyên và môi trường; và sản xuất công nghiệp

Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 -2025 định hướng 2030





QUYẾT ĐỊNH 411/QĐ-TTg

Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Ngày 31/3/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 411/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

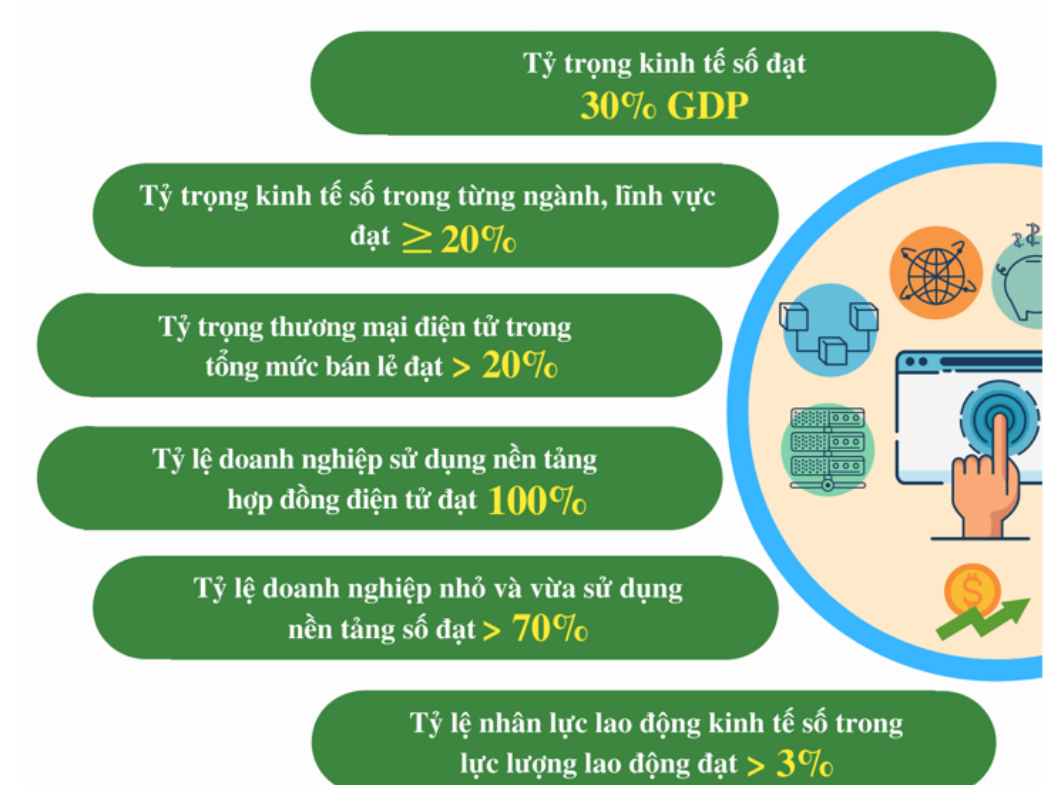
Chiến lược nêu rõ:

- Thể chế, hạ tầng, nhân lực, người dân, doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế số và xã hội số.
- Phát triển kinh tế số, xã hội số theo hướng phát triển nhanh và bền vững, toàn diện và có trọng điểm.
- Tỷ trọng kinh tế số đạt 20% GDP năm 2025 và 30% GDP năm 2030.

MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025



MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030



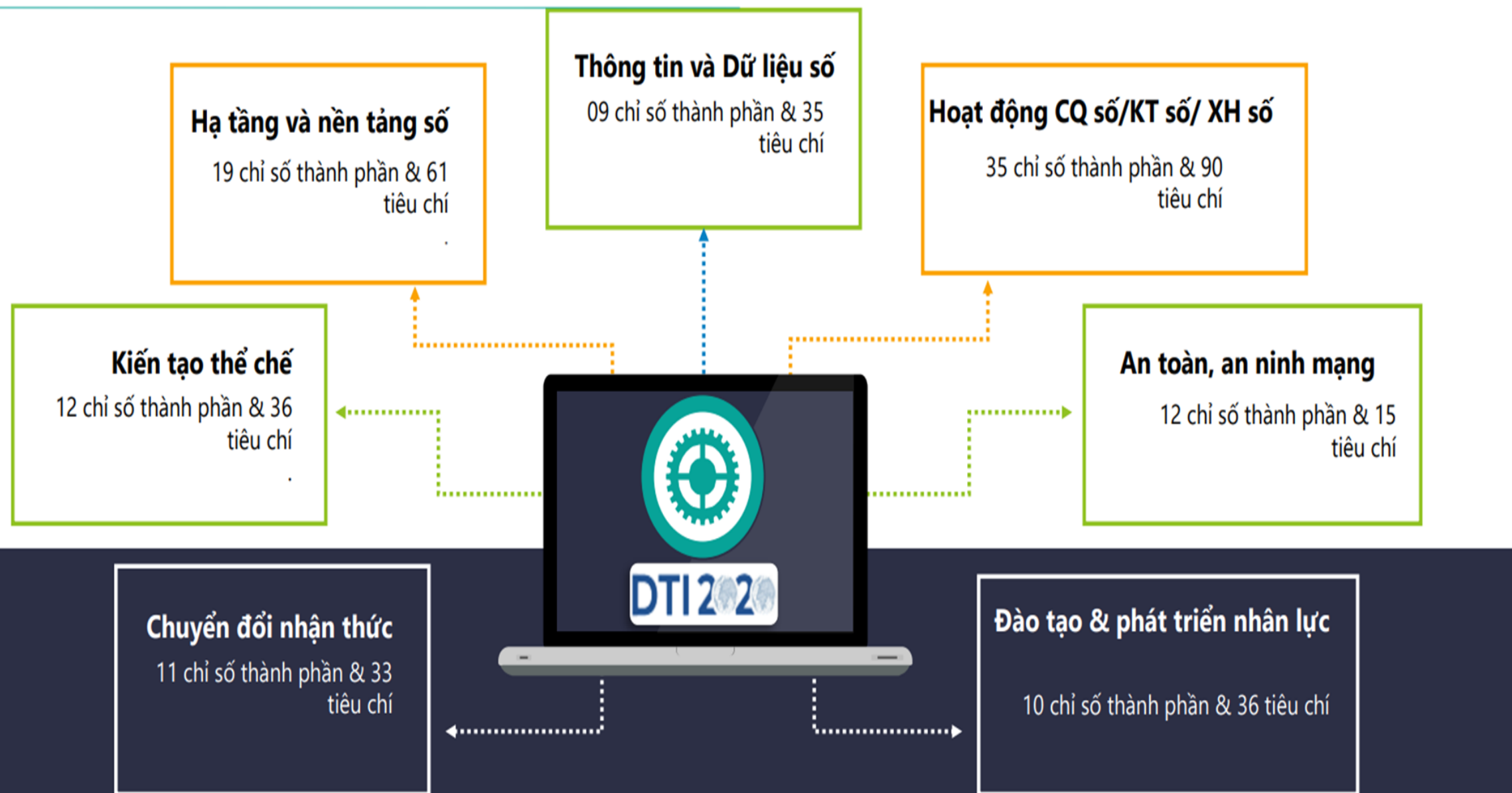


BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Cấu trúc Bộ Chỉ số DTI cấp tỉnh (1000 điểm)

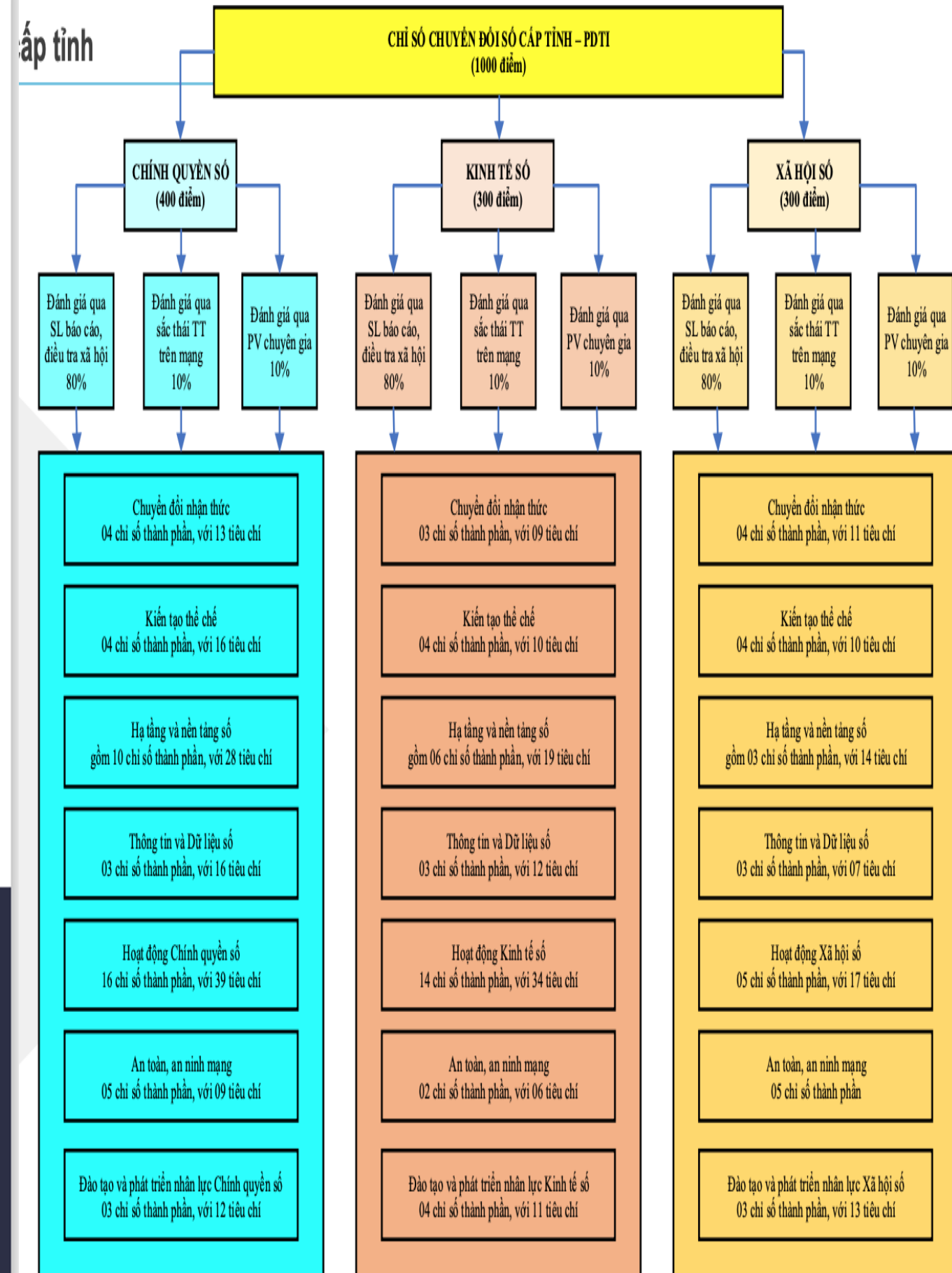
- **Chính quyền số** (400 điểm; 133 tiêu chí)
- **Kinh tế số** (300 điểm; 101 tiêu chí)
- **Xã hội số** (300 điểm, 72)

- 108 chỉ số thành phần
- 306 tiêu chí



Cấu trúc theo 03 trụ cột (pillar) là: Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số.

Trong mỗi trụ cột có 07 Chỉ số chính, mỗi Chỉ số chính có chỉ số thành phần khác nhau, trong mỗi chỉ số thành phần có các tiêu chí.





XẾP HẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TP CẦN THƠ NĂM 2020

Xếp hạng DTI 2020 cấp tỉnh

- Kết quả xếp hạng DTI các tỉnh, thành phố trong nhóm **10** tỉnh dẫn đầu: **Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Bắc Ninh, Quảng Ninh, TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Cần Thơ, Ninh Bình, Kiên Giang, Bắc Giang.**
- **Đà Nẵng** xếp vị trí thứ nhất với **0.4874** và địa phương xếp vị trí thứ nhất cả 3 trụ cột: Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số.
- Giá trị DTI thấp nhất (**0.2108**) và cao nhất (**0.4874**) so với giá trị trung bình **0.3026** cấp tỉnh không quá chênh lệch.
- **Trung bình Chính quyền số: 0.3611**
- **Trung bình Kinh tế số: 0.2568**
- **Trung bình Xã hội số: 0.2898**

XẾP HẠNG DTI	TỈNH, THÀNH PHỐ	XẾP HẠNG CHÍNH QUYỀN SỐ	XẾP HẠNG KINH TẾ SỐ	XẾP HẠNG XÃ HỘI SỐ
1	TP. ĐÀ NẴNG	1	1	1
2	THỪA THIÊN - HUẾ	2	13	10
3	BẮC NINH	8	2	2
4	QUẢNG NINH	5	14	3
5	TP. HỒ CHÍ MINH	9	6	7
6	TIỀN GIANG	11	11	4
7	TP. CẦN THƠ	4	10	21
8	NINH BÌNH	19	4	6
9	KIÊN GIANG	15	12	8
10	BẮC GIANG	7	14	25
11	NAM ĐỊNH	14	24	5
12	THÁI NGUYÊN	3	19	37
13	BÌNH ĐỊNH	13	17	17
14	HẢI DƯƠNG	22	9	13
15	THANH HÓA	10	7	31
16	LẠNG SƠN	18	8	24
17	HÀ NAM	6	40	23
18	PHÚ THỌ	49	3	9
19	GIA LAI	17	33	18
20	ĐỒNG NAI	25	29	16
21	TP. HẢI PHÒNG	33	20	14
22	HÀ TĨNH	23	43	12
23	LÂM ĐỒNG	20	16	38
24	QUẢNG NAM	31	25	11
25	BÌNH PHƯỚC	24	37	15
26	HÀ GIANG	30	23	19
27	LONG AN	33	21	20
28	HẬU GIANG	26	18	35
29	AN GIANG	29	22	26
30	ĐẮK LẮK	21	37	27
31	BÌNH DƯƠNG	28	5	43
32	LÀO CAI	12	45	40
33	BẾN TRE	39	36	22
34	TRÀ VINH	27	32	36
35	ĐỒNG THÁP	35	35	28
36	NGHỆ AN	40	34	32
37	BÌNH THUẬN	42	26	42
38	HÒA BÌNH	16	46	60
39	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	36	51	32
40	YÊN BÁI	47	39	29
41	CÀ MAU	43	28	46
42	KHÁNH HÒA	41	47	41
43	TP. HÀ NỘI	48	27	54
44	TUYÊN QUANG	53	43	39
45	ĐIỆN BIÊN	46	41	48
46	TÂY NINH	32	57	53
47	QUẢNG NGÃI	44	31	59
48	THÁI BÌNH	38	60	52
49	HƯNG YÊN	61	30	34
50	LAI CHÂU	54	48	49
51	SƠN LA	45	55	50
52	VĨNH LONG	37	49	62
53	BẠC LIÊU	55	52	45
54	ĐẮK NÔNG	60	50	30
55	VĨNH PHÚC	52	42	56
56	QUẢNG TRỊ	57	53	47
57	SÓC TRĂNG	51	58	58
58	KON TUM	56	62	51
59	BẮC KẠN	59	56	44
60	QUẢNG BÌNH	50	63	61
61	CAO BẰNG	58	61	55
62	PHÚ YÊN	62	54	63
63	NINH THUẬN	63	59	57



HIỆN TRẠNG BỘ CHỈ SỐ DTI CHÍNH QUYỀN SỐ TP TỰ ĐÁNH GIÁ



Điểm hiện tại/Điểm tối đa

31,01/40

34,38/40

32,01/40

18,05/40

53,05/80

23,52/40

36,13/40

Chuyển đổi nhận thức

Kiến tạo thể chế

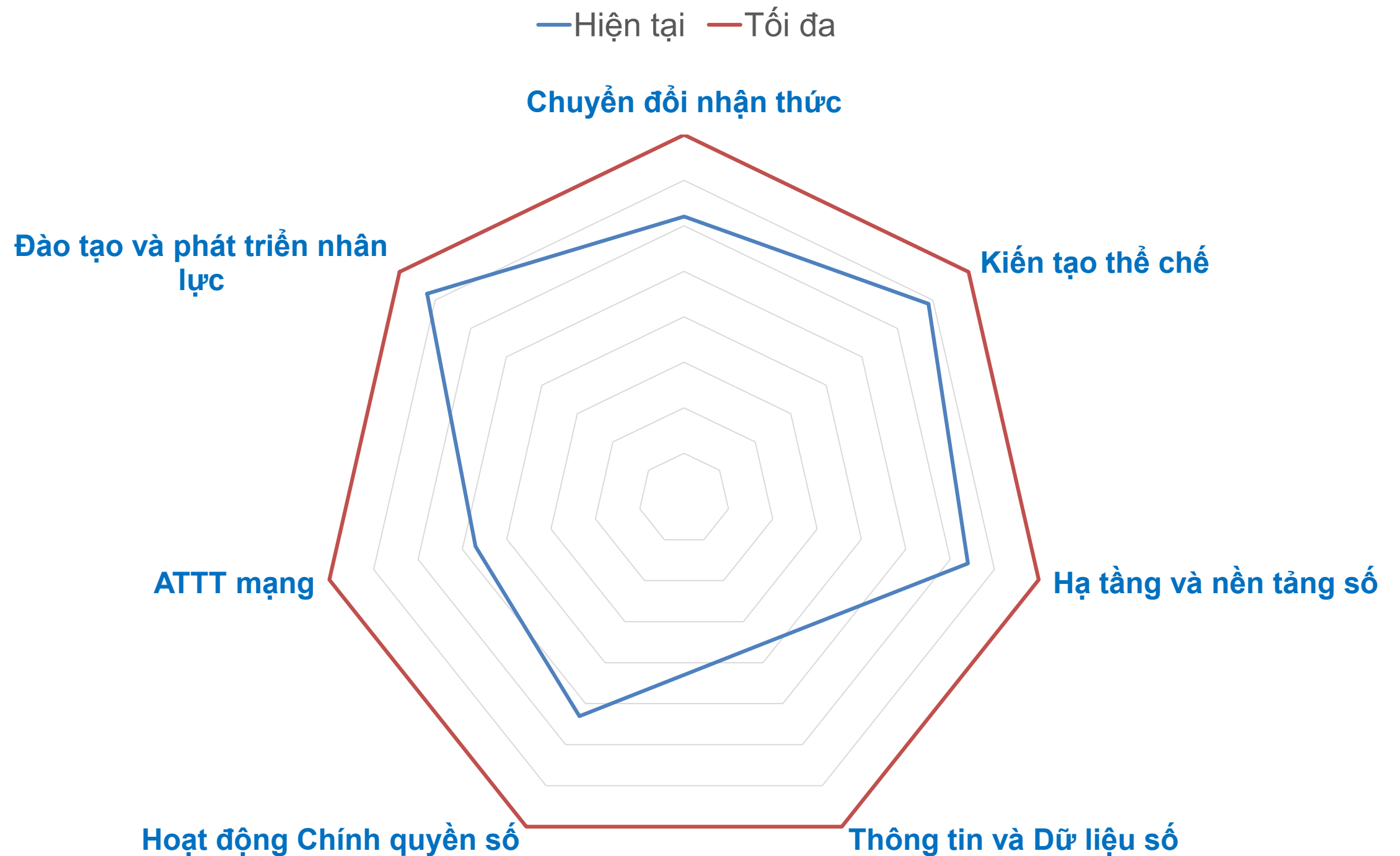
Hạ tầng và nền tảng số

Thông tin và dữ liệu số

Hoạt động Chính quyền số

An toàn thông tin mạng

Đào tạo và phát triển nhân lực Chính quyền số





HIỆN TRẠNG BỘ CHỈ SỐ DTI KINH TẾ SỐ TP TỰ ĐÁNH GIÁ



Chuyển đổi nhận thức

Kiến tạo thể chế

Hạ tầng và nền tảng số

Thông tin và dữ liệu số

Hoạt động Kinh tế số

An toàn thông tin mạng

Đào tạo và phát triển nhân lực
Kinh tế số

Điểm hiện
tại/Điểm tối
đa

19,38/30

17,39/30

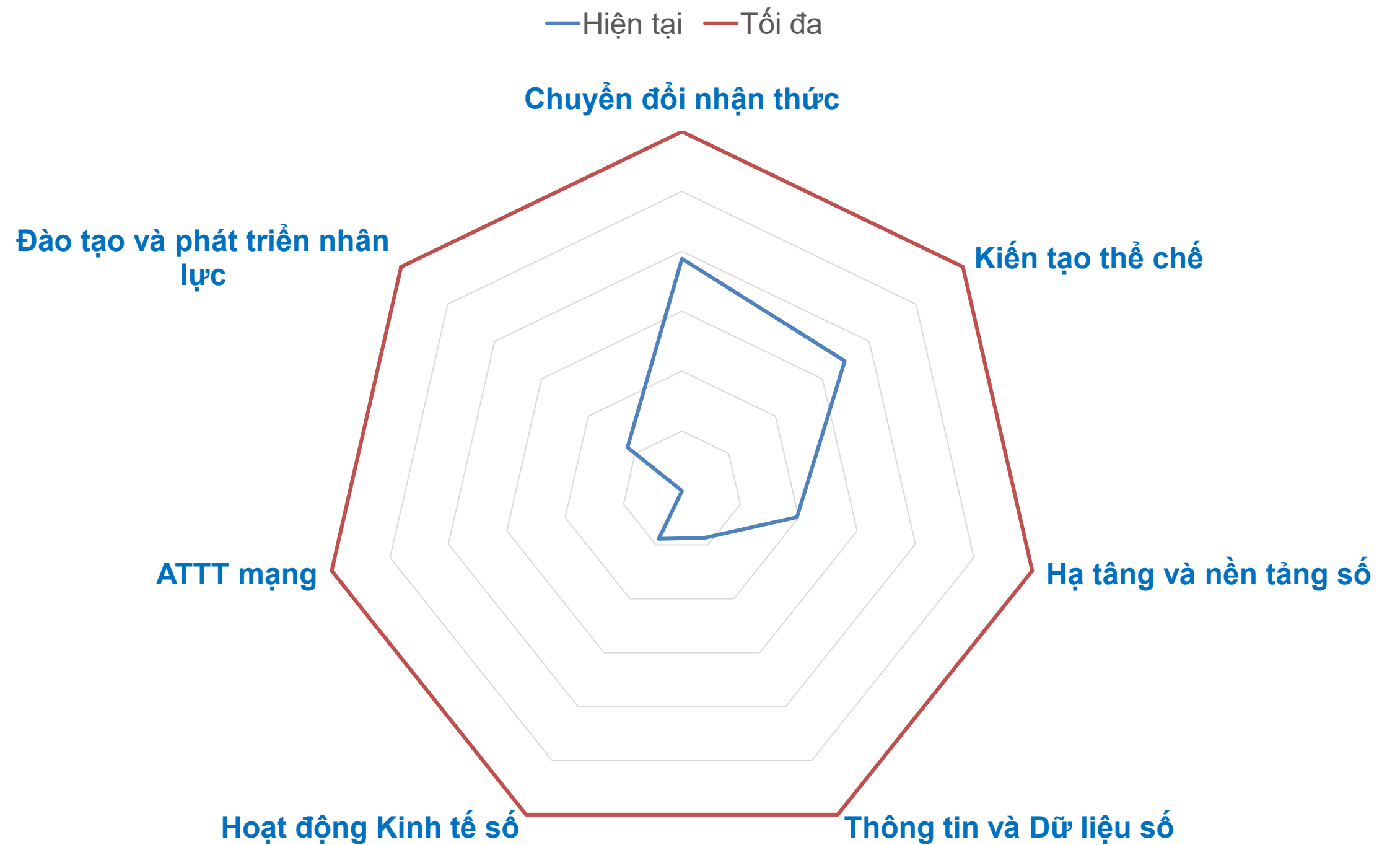
9,86/30

4,36/30

8,89/60

0/30

5,82/30





HIỆN TRẠNG BỘ CHỈ SỐ DTI XÃ HỘI SỐ TP TỰ ĐÁNH GIÁ



Điểm hiện tại/Điểm tối đa

Chuyển đổi nhận thức

12,06/30

Kiến tạo thể chế

11,11/30

Hạ tầng và nền tảng số

7,02/30

Thông tin và dữ liệu số

7,94/30

Hoạt động Xã hội số

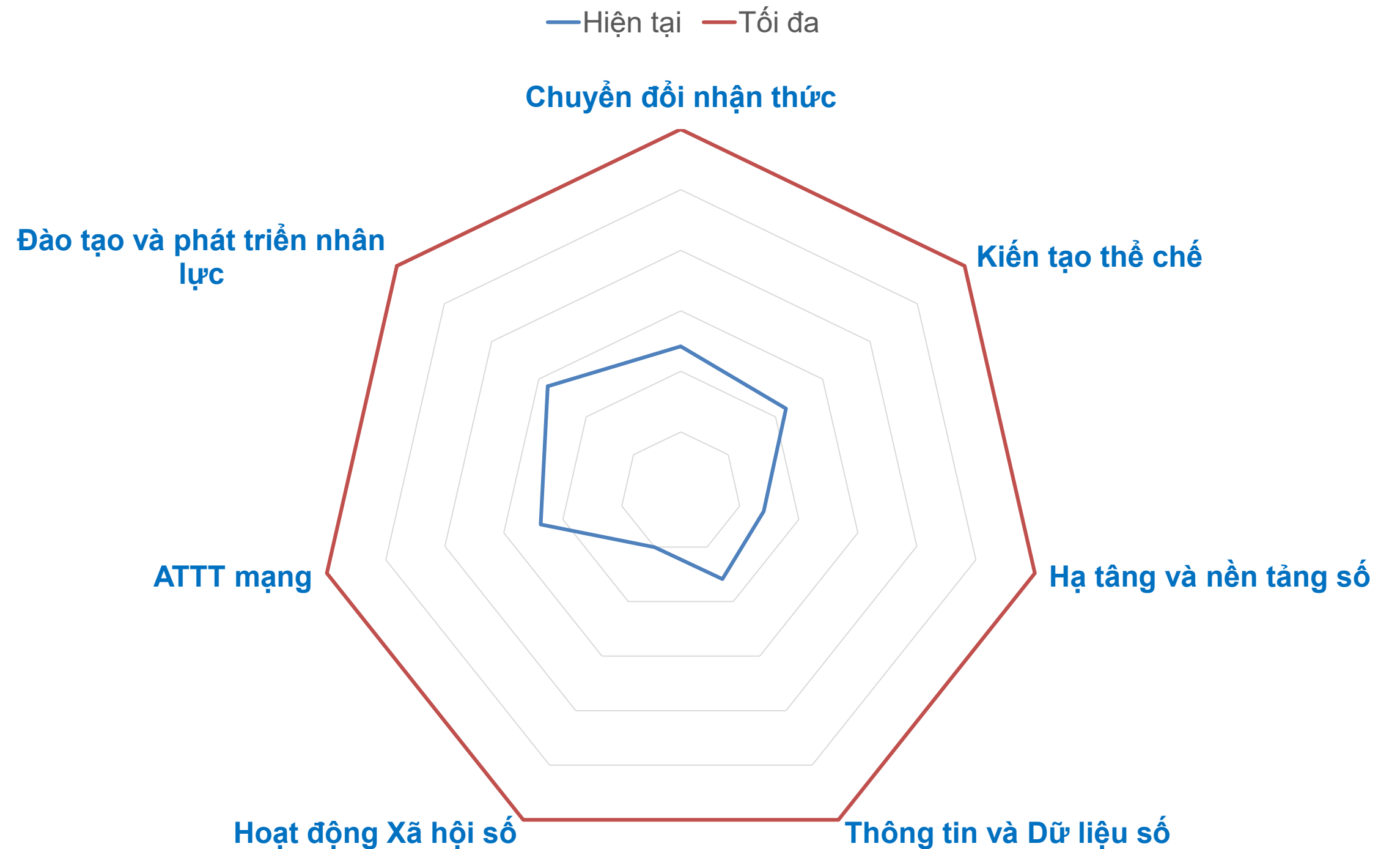
10,02/60

An toàn thông tin mạng

11,87/30

Đào tạo và phát triển nhân lực Xã hội số

14,06/30

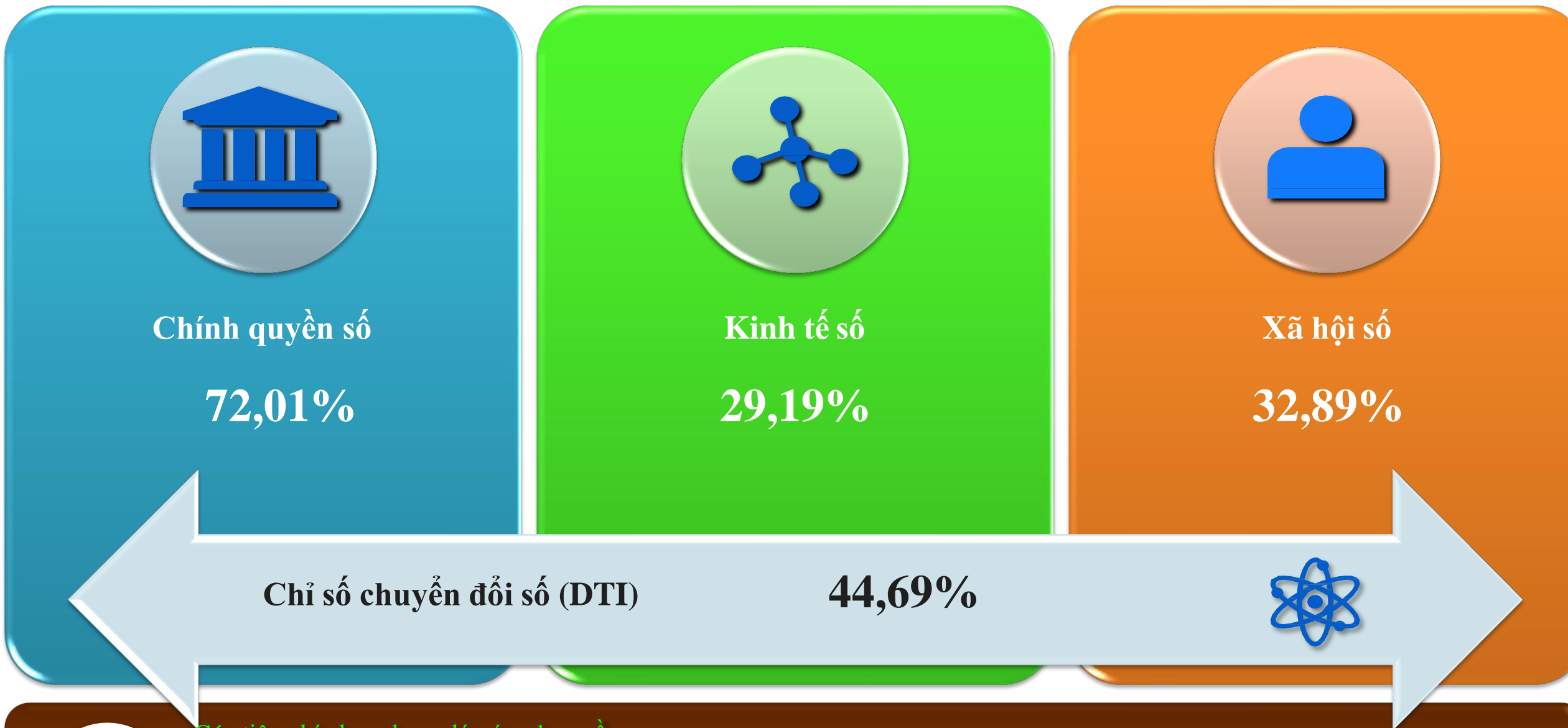




HIỆN TRẠNG BỘ CHỈ SỐ DTI

Tỷ lệ đáp ứng các tiêu chí đánh giá Chỉ số chuyển đổi số cấp Tỉnh – DTI (%) (*)

Đánh giá hiện trạng của TP (**)



Nhận định

- Hiện tại, TP chỉ đáp ứng được khoảng 44 % chỉ tiêu DTI
- Các tiêu chí Kinh tế số và Xã hội số còn thấp nhiều so với mức trung bình của chỉ số DTI



Các tiêu chí chưa được đáp ứng bao gồm:

- Tổ chức các phong trào thi đua, khen thưởng
- Các tiêu chí liên quan đến ngân sách
- Trang bị máy tính cho CBNN, người dân
- An toàn, an ninh mạng

(*) Không bao gồm các tiêu chí liên quan đến đánh giá trên không gian mạng và đánh giá của chuyên gia

(**) Kết quả ước tính

4



**KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ TP CẦN THƠ
ĐẾN NĂM 2025 ĐỊNH HƯỚNG 2030**
(*QĐ số 241/QĐ-UBND ngày 30/11/2021*)



MỘT SỐ VĂN BẢN QUAN TRỌNG CỦA TP CẦN THƠ

1. Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Thành ủy Cần Thơ về **chuyển đổi số thành phố Cần Thơ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030**
2. Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về **Chuyển đổi số thành phố Cần Thơ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**
3. Kế hoạch 49/KH-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022 của UBND thành phố về chuyển đổi số năm 2022
4. Quyết định 1299/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc **phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuyển đổi số thành phố Cần Thơ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**
5. Kế hoạch 102/KH-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2022 của UBND thành phố về Thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số
6. Kế hoạch 103/KH-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về Triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thành phố Cần Thơ
7. Kế hoạch 104/KH-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2022 của UBND thành phố về Thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số năm 2022 trên địa bàn thành phố Cần Thơ



KHUNG KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TP ĐẾN NĂM 2025 ĐỊNH HƯỚNG 2030

Tăng hiệu quả & minh bạch của Chính quyền

Phát triển kinh tế - xã hội của TP Cần Thơ

Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân

Cơ chế, chính sách, nhân lực

Thay đổi nhận thức, đổi mới tư duy về chuyển đổi số

Định hướng, chiến lược chuyển đổi số của Đảng, Chính phủ

Kinh nghiệm chuyển đổi số trên thế giới

Các xu hướng công nghệ 4.0: AI, Big Data, IoT, Cloud, Mobile, Social...



Chính quyền số

- Dịch vụ số phục vụ người dân, doanh nghiệp
- Môi trường làm việc số cho CBCC, các cấp quản lý
- Chính quyền ra quyết định dựa trên phân tích dữ liệu
- Số hóa các lĩnh vực chuyên Ngành, đảng, MTTQ, đoàn thể



Kinh tế số

- Phát triển DN số; Khu CNTT
- Hỗ trợ doanh nghiệp SME chuyển đổi số (SMEDx)
- Phát triển TMĐT
- Chuyển đổi số để thúc đẩy các ngành kinh tế trọng điểm của TP: Du lịch, Nông nghiệp, TC-NH; GTVT-Logistic; Năng lượng; Công nghiệp



Xã hội số

- Phát triển công dân số
- Chuyển đổi số để nâng cao chất lượng các dịch vụ công ích: Y tế, Giáo dục...
- Chuyển đổi số xã/phường

KH KTXH của TP 2021-2025, tầm nhìn 2030

Các mục tiêu ưu tiên, các vấn đề cấp thiết cần giải quyết của TP

Nhu cầu của người dân, doanh nghiệp

Hiện trạng, nguồn lực, điều kiện đặc thù của TP

09 lĩnh vực ưu tiên

- Y tế
- Giáo dục đào tạo
- TC – Ngân hàng
- Nông nghiệp
- GTVT và Logistic
- Năng lượng
- Tài nguyên - MT
- Công nghiệp
- Du lịch

Hạ tầng & nền tảng số

- Hạ tầng số: Cloud Computing, IOT Platform, 4G/5G ...
- Nền tảng dùng chung
- An toàn, an ninh thông tin
- Hạ tầng đô thị thông minh: quy hoạch, giao thông, chiếu sáng...



TỔNG QUAN KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TP ĐẾN NĂM 2025 ĐỊNH HƯỚNG 2030

Kế hoạch chuyển đổi số TP Cần Thơ giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 được xây dựng với tổng cộng:
21 mục tiêu cụ thể; 119 nhiệm vụ, giải pháp

119 nhiệm vụ thành phần thuộc 5 Nhóm nhiệm vụ lớn

119

40 nhiệm vụ 9 lĩnh vực chuyên ngành:
Y tế, Giáo dục, Nông nghiệp, Tài nguyên – Môi trường, Tài chính – ngân hàng, Giao thông vận tải, Năng lượng, Công nghiệp Du lịch

21

21 Mục tiêu cụ thể Chuyển đổi số thuộc 3 Nhóm Mục tiêu CQS; KTS; XHS

20+

Trên 20 cơ quan, ban ngành, doanh nghiệp tham gia chủ trì và phối hợp

40



MỤC TIÊU CHUNG

Thành phố Cần Thơ phấn đấu thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố thực hiện chuyển đổi số tốt; tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới, đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý của bộ máy chính quyền, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp.



MỤC TIÊU CHÍNH QUYỀN SỐ

Chính quyền số: Các cơ quan Đảng và Nhà nước tiên phong, đổi mới phương thức quản trị công dựa trên công nghệ số và dữ liệu số, góp phần vận hành chính quyền thuận lợi và hiệu quả; dẫn dắt phát triển Kinh tế số, Xã hội số

Tổng cộng 12 chỉ tiêu (bổ sung 5 chỉ tiêu so với Quyết định 749)

Một số chỉ tiêu chính (so với Quyết định 749)	Hiện trạng	Cần Thơ		Quyết định 749	
		Đến 2025	Đến 2030	Đến 2025	Đến 2030
1. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	65%	80%	100%	80%	100%
2. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu	35%	50%	80%	-	-
3. Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin	35%	100%	-	-	-
4. Tỷ lệ Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực, thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước	---	100%	-	-	-



MỤC TIÊU CHÍNH QUYỀN SỐ (tiếp theo)

Một số chỉ tiêu chính (so với Quyết định 749)	Hiện trạng	Cần Thơ		Quyết định 749	
		Đến 2025	Đến 2030	Đến 2025	Đến 2030
5. Tỷ lệ Các hệ thống thông tin của các sở, ngành, quận, huyện có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua LGSP	30%	80%	-		
6. Tỷ lệ hồ sơ công việc được quản lý, xử lý và luân chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng: - tại cấp thành phố - tại cấp huyện - tại cấp xã	--- --- ---	90% 80% 60%	100% 90% 80%	90% 80% 60%	100% 90% 80%
7. Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	---	50%	70%	50%	70%
8. Tỷ lệ báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên hệ thống thông tin báo cáo của thành phố và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.	---	100%	-	100%	-



MỤC TIÊU CHÍNH QUYỀN SỐ (tiếp theo)

Một số chỉ tiêu chính (so với Quyết định 749)	Hiện trạng	Cần Thơ		Quyết định 749	
		Đến 2025	Đến 2030	Đến 2025	Đến 2030
9. Triển khai Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ đến Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tỷ lệ cuộc họp của Ủy ban nhân dân thành phố đến cấp quận huyện Tỷ lệ cuộc họp của Ủy ban nhân dân cấp huyện đến cấp xã, phường, TT	100% 50%	100% 80%	-		
10. Hình thành đầy đủ nền tảng dữ liệu của đô thị thông minh phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, dữ liệu được chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước (trừ những dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước). Mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp	Thí điểm 8 lĩnh vực	-	Hình thành đầy đủ	-	Hình thành đầy đủ
11. Tỷ lệ giảm thủ tục hành chính	-	-	30%	-	30%
12. Tỷ lệ tăng dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.	-	-	30%	-	30%



MỤC TIÊU KINH TẾ SỐ

**Kinh tế số phát triển mạnh mẽ và thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế khác, mới
tổng cộng 3 chỉ tiêu**

Một số chỉ tiêu chính (so với Quyết định 749)	Hiện trạng	Cần Thơ		Quyết định 749	
		Đến 2025	Đến 2030	Đến 2025	Đến 2030
1. Tỷ lệ GRDP Kinh tế số chiếm	--	20%	30%	20%	30%
2. Tỷ lệ năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu	--	7%	8%	7%	8%
3. Tỷ lệ tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu	--	10%	20%	10%	20%



MỤC TIÊU XÃ HỘI SỐ

**Phát triển XH số, thu hẹp khoảng cách số, nâng cao đời sống người dân, góp phần hình thành “TP đáng sống”
tổng cộng 6 chỉ tiêu (bổ sung 3 chỉ tiêu so với Quyết định 749)**

Một số chỉ tiêu chính (so với Quyết định 749)	Hiện trạng	Cần Thơ		Quyết định 749	
		Đến 2025	Đến 2030	Đến 2025	Đến 2030
1. Tỷ lệ Hạ tầng băng rộng cáp quang phủ trên <ul style="list-style-type: none">- hộ gia đình- xã, phường, thị trấn	60% 100%	90% 100%	100% --	80% 100%	100% --
2. Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh	80% 4G; 74% ĐTTM	100% 4G;5G; ĐTTM	5G	100% 4G;5G; ĐTTM	5G
3. Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp có tài khoản thanh toán điện tử	---	50%	80%	50%	80%
4. Mỗi người dân có danh tính số kèm theo QR code	---	100%	-		



MỤC TIÊU XÃ HỘI SỐ (tiếp theo)

**Phát triển XH số, thu hẹp khoảng cách số, nâng cao đời sống người dân, góp phần hình thành “TP đáng sống”
tổng cộng 6 chỉ tiêu (bổ sung 3 chỉ tiêu so với Quyết định 749)**

Một số chỉ tiêu chính (so với Quyết định 749)	Hiện trạng	Cần Thơ		Quyết định 749	
		Đến 2025	Đến 2030	Đến 2025	Đến 2030
<p>5. Mỗi người dân đều có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân. Mỗi Trạm Y tế xã đều triển khai hoạt động trên môi trường số. Mỗi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đều triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa dựa trên nhu cầu thực tế. Mỗi bệnh viện, trung tâm y tế công đều triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử. Công khai giá thuốc, giá trang thiết bị y tế, giá khám chữa bệnh</p>	---	100%	-	-	QĐ942 Chiến lược CPS
<p>6. Mỗi học sinh, sinh viên đều có hồ sơ số về việc học tập cá nhân. Mỗi cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số. Triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt, học liệu số</p>	---	100%	-	-	QĐ942 Chiến lược CPS



NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. Nhóm nhiệm vụ chung

1. Chuyển đổi nhận thức, nâng cao trách nhiệm triển khai

1.1	Chuyên mục về Chuyển đổi số trên Cổng Thông tin điện tử thành phố, Đài Phát thanh - Truyền hình Cần Thơ, Báo Cần Thơ và các phương tiện thông tin đại chúng	Cơ quan truyền thông, báo chí
1.2	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về chuyển đổi số. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện
1.3	Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Sở TTTT
1.4	Tuyên truyền về Kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của thành phố (hội thảo, hội nghị, ...)	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện
1.5	<i>Tổ chức sự kiện “Ngày chuyển đổi số” của thành phố</i>	Sở Thông tin và Truyền thông
1.6	Phát động phong trào thi đua chuyển đổi số. Lựa chọn, vinh danh, khen thưởng cho các điển hình tiên tiến về chuyển đổi số	Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền thông
1.7	Phát động cuộc thi tìm hiểu về Chuyển đổi số, nâng cao kỹ năng số trong quần chúng, nhân dân (Tổng kết công bố vào sự kiện Ngày chuyển đổi số)	Sở TTTT; Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện liên quan;



NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. Nhóm nhiệm vụ chung

2. Cơ chế, chính sách		
2.1	<i>Rà soát sửa đổi hoặc đề xuất Trung ương sửa đổi cơ chế để áp dụng công nghệ số, dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế- xã hội; cấu trúc lại quy trình hoạt động và cung cấp dịch vụ công</i>	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện
2.2	Xây dựng cơ chế cho phép triển khai thí điểm các mô hình và công nghệ mới theo cơ chế thử nghiệm (sandbox). Đặt hàng doanh nghiệp triển khai các ứng dụng công nghệ số để giải quyết các bài toán mới tại thành phố	Sở KH-CN
2.3	<i>Hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân triển khai sandbox để phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số nhằm thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</i>	Sở KH-CN
2.4	Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các HTTT phục vụ Chính quyền số phù hợp với định hướng Chiến lược quốc gia	Sở TTTT; Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện
2.5	Rà soát các thủ tục hành chính công, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hoá hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện
2.6	<i>Xây dựng các chính sách, chiến lược phát triển và sử dụng dữ liệu số; Xây dựng, ban hành Quy chế kết nối, quản lý và chia sẻ dữ liệu số trên địa bàn thành phố</i>	Sở TTTT
2.7	<i>Xây dựng các chính sách, quy định cụ thể về phí, lệ phí (như phí sử dụng dịch vụ khi thanh toán trực tuyến phí, lệ phí thủ tục hành chính, phí đỗ xe ô tô lòng đường, hè phố,...) để khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.</i>	Sở Tài chính
2.8	<i>Xây dựng và ban hành Bộ Chỉ số Chuyên đổi số thành phố Cần Thơ</i>	Sở TTTT



NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. Nhóm nhiệm vụ chung

3. Phát triển hạ tầng kỹ thuật số		
3.1	Phát triển mạng 5G tại thành phố	Sở TTTT
3.2	Đầu tư trang thiết bị CNTT (máy tính, máy scan, máy in ...) cho CBCCVC	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện
3.3	Nâng cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng thành phố	Sở TTTT
3.4	Triển khai mở rộng hệ thống họp trực tuyến cho 100% cơ quan Nhà nước đến cấp xã, phường.	Sở TTTT
3.5	Ứng dụng IPv6 trên hạ tầng, mạng lưới dịch vụ của cơ quan nhà nước trên địa bàn	Sở TTTT
3.6	Nâng cấp hệ thống Trung tâm dữ liệu và triển khai thêm 01 trung tâm dữ liệu mới dựa trên công nghệ điện toán đám mây, đạt chuẩn tối thiểu TIER III để đảm bảo năng lực lưu trữ tính toán cao, đảm bảo khả năng dự phòng, đáp ứng nhu cầu triển khai các ứng dụng ĐTTM, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.	Sở TTTT
3.7	Hoàn thiện Trung tâm giám sát điều hành thành phố thông minh (IOC). Nâng cấp, hoàn thiện các Trung tâm chuyên ngành như giao thông, an ninh, phòng cháy chữa cháy, môi trường, điện chiếu sáng, điện lực, cấp nước..., kết nối, tích hợp về Trung tâm IOC thành phố	Sở Sở TTTT; Các Sở chủ quản Trung tâm chuyên ngành
3.8	Hoạch định mạng lưới hệ thống camera giám sát trên địa bàn thành phố; bổ sung camera các khu vực trọng điểm; triển khai kết nối, chia sẻ, quản lý đồng bộ dữ liệu camera trên địa bàn.	Công an thành phố
3.9	Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị	Sở TTTT; Các Sở quản lý hạ tầng



NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. Nhóm nhiệm vụ chung

4. Phát triển dữ liệu số

4.1	Hoàn thiện CSDL đất đai, xây dựng bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ quỹ đất, chia sẻ dữ liệu và bản đồ nền về Trung tâm dữ liệu thành phố.	Sở TNMT
4.2	<i>Triển khai Nền tảng hạ tầng dữ liệu không gian (SPP) đô thị thành phố</i>	Ban Quản lý Dự án ODA
4.3	Chuẩn hóa, hoàn thiện CSDL công dân, doanh nghiệp, kết nối, đồng bộ dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp thông qua NGSP	Sở TTTT; Công an thành phố; Sở KHĐT
4.4	Phát triển, chuẩn hóa CSDL chuyên ngành hiện có để đưa vào Kho dữ liệu dùng chung thành phố <i>chia sẻ, khai thác; kết nối, tích hợp với CSDL quy mô quốc gia.</i>	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện
4.5	Phát triển Kho dữ liệu dùng chung toàn thành phố cho phép thu thập, lưu trữ, tổng hợp từ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau (<i>có cấu trúc, bán cấu trúc, phi cấu trúc</i>), <i>phân tích, xử lý, khai phá, hỗ trợ ra quyết định; đồng thời chia sẻ cho các cơ quan thành phố sử dụng</i>	Sở TTTT
4.6	Số hóa và đưa vào khai thác cơ sở dữ liệu kết quả thủ tục hành chính	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện
4.7	<i>Xây dựng Hệ thống kho lưu trữ điện tử dùng chung</i>	Sở Nội vụ



NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. Nhóm nhiệm vụ chung

5. Phát triển nền tảng số

5.1	Nâng cấp, hoàn thiện Trục tích hợp chia sẻ dữ liệu thành phố (LGSP) đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông, kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (National Data Exchange Platform - NDXP)	Sở TTTT
5.2	Phát triển nền tảng thông tin định danh cá nhân và kho dữ liệu số của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, kết nối với Cổng Dịch vụ công trực tuyến thành phố	Sở TTTT
5.3	<i>Hoàn thiện nền tảng thanh toán trực tuyến, mở rộng đa dạng các đối tác, hình thức thanh toán và triển khai nhân rộng cho các dịch vụ sự nghiệp công (học phí, viện phí, phí rác thải,...) và các giao dịch dân sự (thương mại điện tử, đấu giá tài sản,...)</i>	Sở TTTT
5.4	Xây dựng phần mềm nền tảng IoT (IoT Platform) nhằm kết nối, tích hợp, kiểm soát, quản lý các thiết bị IoT, hỗ trợ phân tích dữ liệu, cung cấp thông tin, cảnh báo, hỗ trợ ra quyết định	Sở TTTT
5.5	Xây dựng phần mềm nền tảng phân tích dữ liệu thông minh (AI Platform), sử dụng các công nghệ như học máy, khai phá dữ liệu,.. phục vụ công tác dự báo các chỉ tiêu KT-XH, hỗ trợ việc ra quyết định, xây dựng chính sách.	Sở TTTT
5.6	Nâng cấp, hoàn thiện App Cần Thơ Smart City như một nền tảng di động cung cấp đa dịch vụ, tiện ích.	Sở TTTT



NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. Nhóm nhiệm vụ chung

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng		
6.1	Xây dựng Trung tâm điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); giải pháp phòng chống mã độc tập trung.	Sở TTTT
6.2	Tổ chức xác định cấp độ an toàn thông tin và thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin quan trọng của thành phố.	Sở TTTT
6.3	Triển khai hiệu quả Hệ thống giám sát thông tin mạng xã hội nhằm cảnh báo sớm và xử lý, ngăn chặn khủng hoảng truyền thông.	Sở TTTT
6.4	Hoàn thành và đưa vào sử dụng Hệ thống Trung tâm công nghệ cao phục vụ công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao.	Công an TP
6.5	Thiết lập mạng lưới kết nối các chuyên gia, tổ chức, doanh nghiệp an toàn thông tin trên địa bàn thành phố và quốc gia nhằm chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin.	Sở TTTT



NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. Nhóm nhiệm vụ chung

7. Hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

7.1	Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn trong nước và quốc tế về chuyển đổi số, thành phố thông minh, tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, huy động nguồn lực, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao các công nghệ mới, mô hình mới	Sở KH-CN
7.2	Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, ưu tiên các đề tài nghiên cứu ứng dụng có kết quả, sản phẩm phù hợp với định hướng xây dựng chính quyền số, thành phố thông minh; ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho chuyển đổi số, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp.	Sở KH-CN
7.3	<i>Triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030</i>	Sở KH-CN
7.4	<i>Lựa chọn ưu tiên nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR). Ưu đãi, hỗ trợ mạnh các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển và khuyến khích các doanh nghiệp lớn, truyền thống đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ này vào hoạt động sản xuất, thương mại</i>	Sở KH-CN
7.5	Huy động nguồn lực doanh nghiệp trong triển khai chuyển đổi số qua hình thức thuê dịch vụ CNTT, hợp tác công tư.	Sở, ban, ngành
7.6	Hợp tác với Hiệp hội, doanh nghiệp, Viện, Trường; các địa phương và tổ chức quốc tế trong hợp tác, tài trợ, nghiên cứu, phát triển các sản phẩm công nghệ số	Sở TTTT



NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

II. Nhóm Phát triển Chính quyền số

1	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo phục vụ chỉ đạo, điều hành lãnh đạo thành phố	Văn phòng UBND thành phố
2	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện
3	Khai thác, sử dụng có hiệu quả tất cả các chức năng của hệ thống quản lý văn bản và điều hành phục vụ công tác quản lý, điều hành tác nghiệp, trao đổi văn bản điện tử giữa các CQNN	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện
4	Phát triển các hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, làm việc tại nhà, từ xa của các CQNN	Sở TTTT;
5	Ứng dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả hoạt động của các CQNN (phần mềm chuyên ngành)	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện
6	Triển khai đồng bộ, hiệu quả hệ thống một cửa điện tử ...	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện
7	Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân, theo hướng cung cấp dịch vụ số, kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng thanh toán trực tuyến quốc gia,	Sở TTTT;
8	Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân (phản ánh hiện trường ...)	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện
9	Nâng cấp Cổng Thông tin điện tử thành phố và các Cổng thông tin điện tử thành phần các sở, quận, huyện	Văn phòng UBND thành phố
10	Triển khai Đề án Xây dựng thành phố Cần Thơ phát triển thành Đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 1652/QĐ-UBND	Sở TTTT, các đơn vị có liên quan



Chính quyền điều hành trên dữ liệu số



TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH THÔNG MINH "bộ não số"

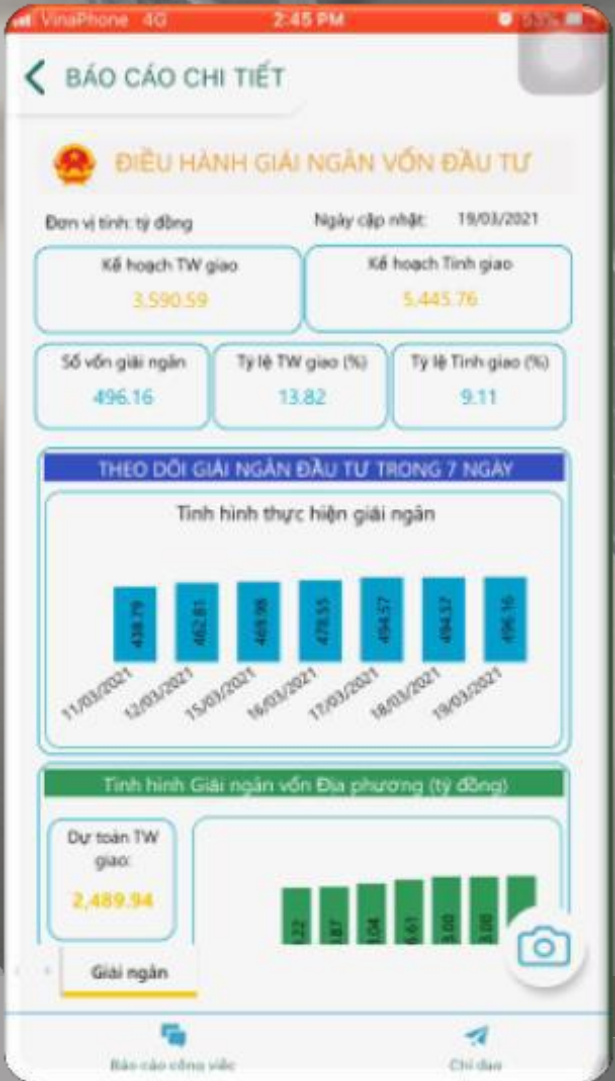


Dữ liệu được chuẩn hóa, phân tích, cảnh báo và cung cấp dữ liệu mở

Ứng dụng IOC APP giúp chỉ đạo điều hành mọi nơi, mọi lúc

Thu thập, kết nối đến tất cả các thiết bị và nguồn dữ liệu (realtime và online)

Giám sát, điều hành tập trung trên nền tảng công nghệ hiện đại và thống nhất





NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

III. Nhóm Phát triển Kinh tế số

1. Phát triển công nghiệp ICT và doanh nghiệp, công nghệ số

1.1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển công nghiệp CNTT và doanh nghiệp công nghệ số	Sở TTTT
1.2	Xây dựng Khu CNTT tập trung thành phố	Sở TTTT, CaDIF

2. Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

2.1	Triển khai Đề án hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trong đó ưu tiên lĩnh vực chuyển đổi số	Sở KH-CN
2.2	<i>Hỗ trợ và hướng dẫn doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp phục vụ chuyển đổi số và phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.</i>	Sở KH-CN
2.3	Xây dựng Trung tâm Khởi nghiệp sáng tạo thành phố Cần Thơ,	Sở KH-CN

3. Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp

3.1	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia Chuyển đổi số thành phố Cần Thơ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở KHĐT
3.2	Xây dựng doanh nghiệp mẫu về chuyển đổi số để làm các mô hình mẫu cho các doanh nghiệp học hỏi và nhân rộng	Sở KHĐT
3.3	<i>Chính sách hỗ trợ kinh tế chia sẻ, kinh tế số và kinh tế tuần hoàn</i>	Viện Kinh tế TP
3.4	Triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử thành phố	Sở Công Thương
3.5	Phát triển kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực kinh tế	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện



NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

IV. Nhóm Phát triển Xã hội số

1. Hỗ trợ người dân tham gia chuyển đổi số

1.1	Hỗ trợ hộ gia đình có thuê bao băng rộng cấp quang	Sở Thông tin và Truyền thông
1.2	Hỗ trợ thiết bị điện thoại thông minh cho người dân	Sở Thông tin và Truyền thông;
1.3	Hỗ trợ người dân có tài khoản thanh toán điện tử.	NHNN VN CN Cần Thơ
1.4	Hệ thống thông tin hỗ trợ và xác thực điện tử, chữ ký điện tử, chữ ký số cho người dân	Sở TTTT; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số

2. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

2.1	Hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, công nghệ số, công nghệ 4.0 cho lãnh đạo và CBCCVN của các cơ quan thành phố; cho doanh nghiệp và người dân	Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện
2.2	Tập huấn, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số, ATTT cho người dân, cán bộ ấp, khu vực	Sở TTTT; UBND quận, huyện
2.3	Xây dựng triển khai chương trình đào tạo và dạy nghề gắn với công nghệ số	Sở Lao động - TBXH
2.4	Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (giáo dục STEM/STEAM/STEAME),	Sở Giáo dục và đào tạo

3. Nâng cao chất lượng phục vụ, dịch vụ, an sinh xã hội

3.1	Triển khai Trung tâm hỗ trợ chuyển đổi số và công nghệ số.	Sở Thông tin và Truyền thông.
3.2	Đề án hỗ trợ người khuyết tật, người yếu thế tiếp cận xã hội số, cuộc sống số	Sở Lao động -TBXH
3.3	Phát triển, triển khai các ứng dụng để cung cấp các sản phẩm số, dịch vụ số, thông minh cho người dân, hỗ trợ triển khai trên nền tảng thiết bị di động (1 ứng dụng di động duy nhất)	Sở TTTT; Sở, ban, ngành; UBND quận, huyện



Công dân tương tác số

Phản ánh hiện trường, được hỗ trợ kịp thời các trường hợp khẩn cấp

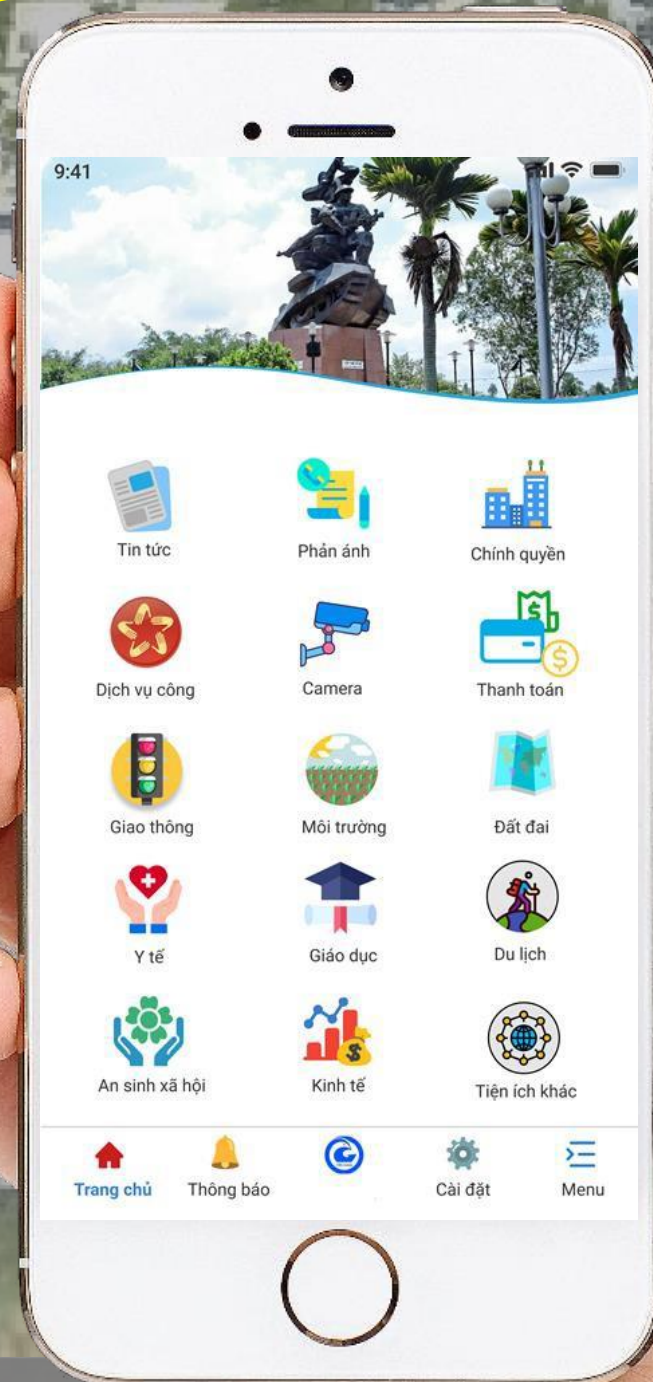
Ứng dụng tra cứu hồ sơ, thực hiện dịch công trực tuyến mức độ 3,4

Dịch vụ thông minh: đặt lịch khám, cảnh báo giao thông, ô nhiễm môi trường,..

Dữ liệu mở, thông tin quy hoạch, giá đất,..



CÔNG DÂN SỐ





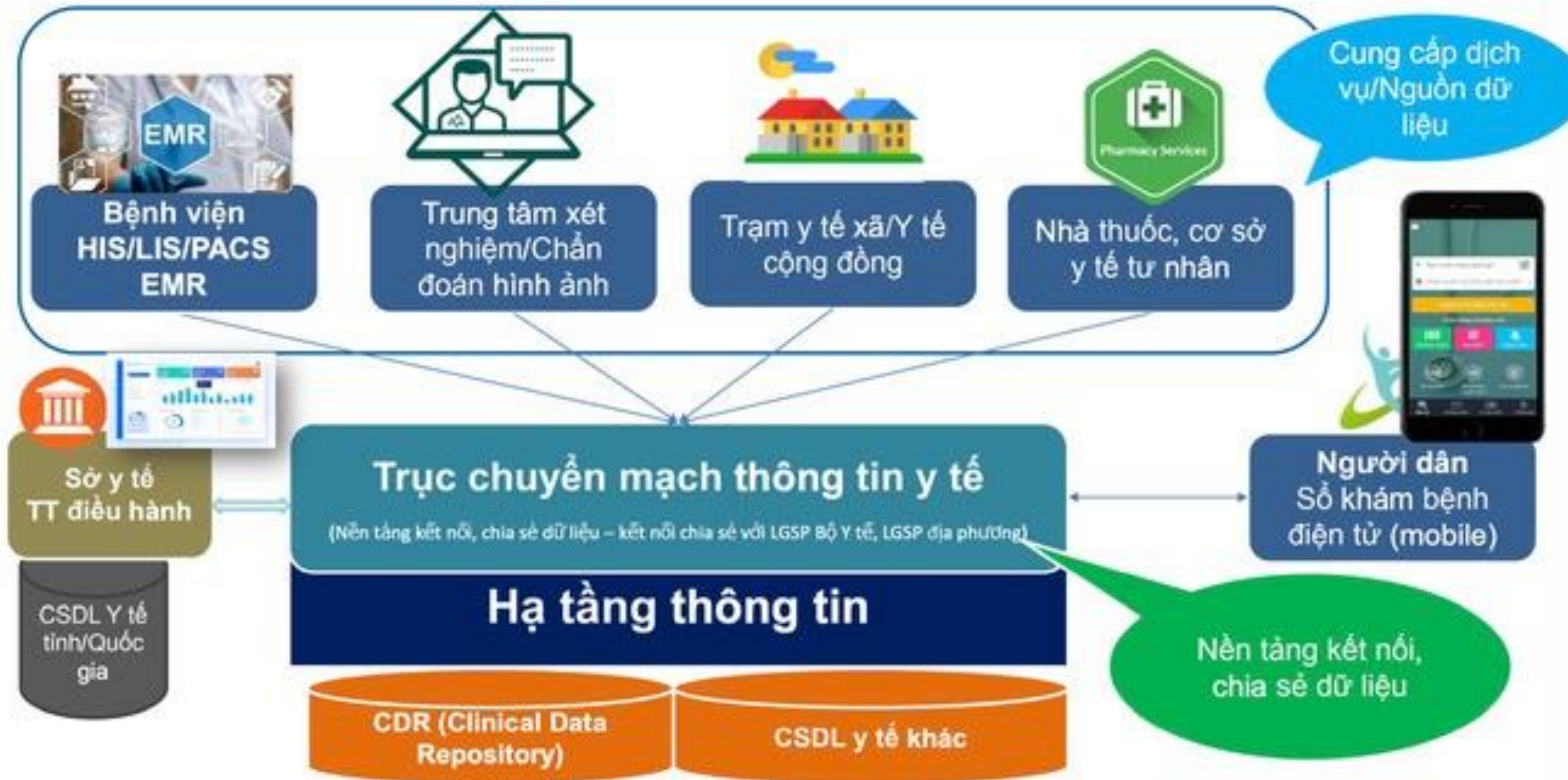
NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

V. Nhóm 09 Lĩnh vực ưu tiên Chuyển đổi số





01. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Y tế





01. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Y tế

STT	Nhiệm vụ và Giải pháp	Cơ quan chủ trì
1.1	Hoàn thiện hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân và mã định danh y tế theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Y tế	Sở Y tế
1.2	Phát triển, triển khai các ứng dụng số giám sát thông tin/cảnh báo tình hình dịch bệnh	Sở Y tế
1.3	Ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí điện tử không dùng tiền mặt	Các bệnh viện, Trung tâm y tế
1.4	Triển khai các nền tảng hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa, cho phép theo dõi, trợ giúp, chăm sóc sức khỏe người dân từ xa, kết nối trực tuyến giữa người bệnh	Các bệnh viện, Trung tâm y tế
1.5	Xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số	Sở Y tế
1.6	Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin y tế. Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thông tin của các cơ sở y tế để hoạt động trên môi trường số.	Các bệnh viện, Trung tâm y tế
1.7	Xây dựng trung tâm dữ liệu y tế thành phố.	Sở Y tế



02. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo



Hệ thống dạy học trực tuyến



Hỗ trợ thi và tuyển sinh các cấp



Hồ sơ học bạ điện tử



Thư viện số

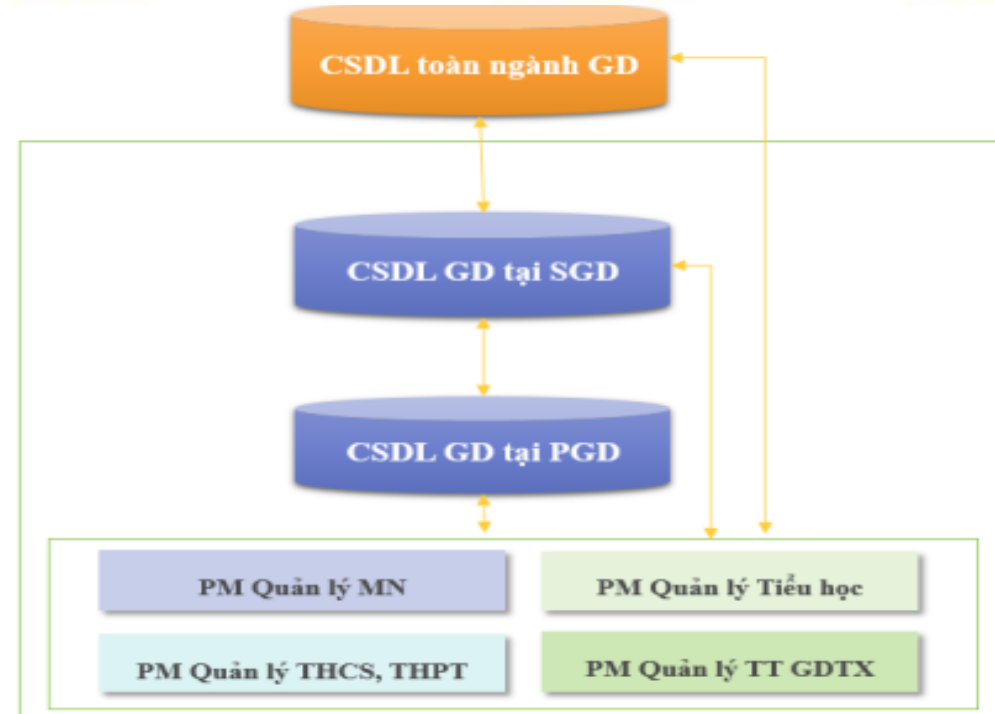


Thanh toán học phí không dùng tiền mặt



Trợ lý ảo Gia sư thông minh

- Sở GDBT:**
1. Phê duyệt, quản lý dữ liệu các Phòng và Trường trực thuộc
 2. Kết nối, báo cáo lên Bộ theo yêu cầu
 3. Khai thác thông tin phục vụ quản lý cấp Tỉnh/TP
- Phòng GDBT:**
1. Phê duyệt, quản lý dữ liệu các trường trực thuộc
 2. Kết nối, báo cáo lên Sở theo yêu cầu
 3. Khai thác thông tin phục vụ quản lý cấp quận/huyện



1. Đáp ứng các chuẩn thông tin theo quy định của Bộ (QĐ 1904/QĐ-BGDĐT...)
2. Kết nối, báo cáo lên các cấp quản lý (Phòng, Sở, Bộ)
3. Dữ liệu được cập nhật thường xuyên
4. Kết nối với các phần mềm quản lý trường học hiện nay

Mô hình triển khai CSDL giáo dục của các tỉnh/thành phố



02. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

STT	Nhiệm vụ và Giải pháp	Cơ quan chủ trì
2.1	<p>Phát triển, triển khai các ứng dụng số: Hỗ trợ dạy và học trực tuyến; Hỗ trợ thi và tuyển sinh các cấp; Hỗ trợ tự kiểm tra, đánh giá trực tuyến;</p> <p>Quản lý hồ sơ học bạ điện tử;</p> <p>Thư viện số để lưu trữ, chia sẻ tri thức số hóa;</p> <p>Thanh toán học phí không dùng tiền mặt;</p> <p>Thí điểm “Trợ lý ảo” hoặc “Gia sư thông minh”.</p>	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND quận, huyện
2.2	Phát triển, triển khai các ứng dụng số phục vụ quản lý, giám sát, điều hành thông minh đối với toàn bộ cơ sở giáo dục các cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo
2.3	Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin cho giáo dục thành phố theo hướng hiện đại, thiết thực và hiệu quả. Triển khai mô hình lớp học thông minh	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND quận, huyện



03. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng



Những vấn đề được các ngân hàng ưu tiên hàng đầu khi chuyển đổi số



Chọn ngân hàng

Thông tin đơn hàng

Đơn hàng
Thanh toán lệ phí cho ho so 000.00.13.H13-200720-0001

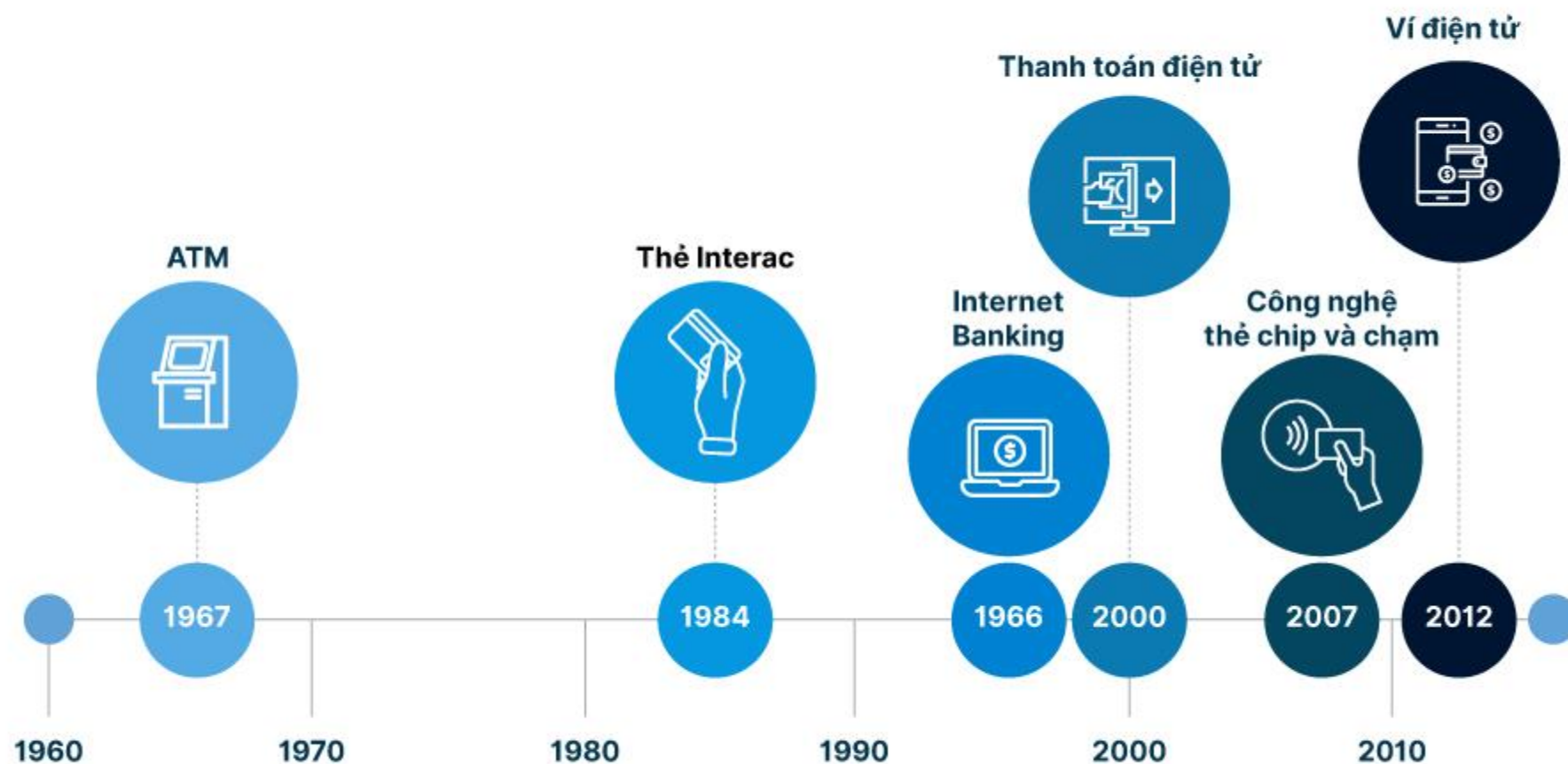
Nhà cung cấp
Cổng DVC Cần Thơ

Phí giao dịch
0 VND

Giá trị thanh toán:
3.000 VND

THANH TOÁN

Chọn ví điện tử





03. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng

STT	Nhiệm vụ và Giải pháp	Cơ quan chủ trì
3.1	Triển khai hệ sinh thái tài chính số (Fintech) để đẩy mạnh hình thành trung tâm tài chính phục vụ người dân, doanh nghiệp	Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Cần Thơ
3.2	Hỗ trợ, thúc đẩy các tổ chức tín dụng ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quá trình xử lý hồ sơ thế chấp và thu thập dữ liệu người vay	Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Cần Thơ
3.3	Hỗ trợ, thúc đẩy triển khai dịch vụ thanh toán điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng (Mobile Money)	Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Cần Thơ
3.4	Đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với dịch vụ công; đẩy mạnh giao dịch điện tử	Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Cần Thơ



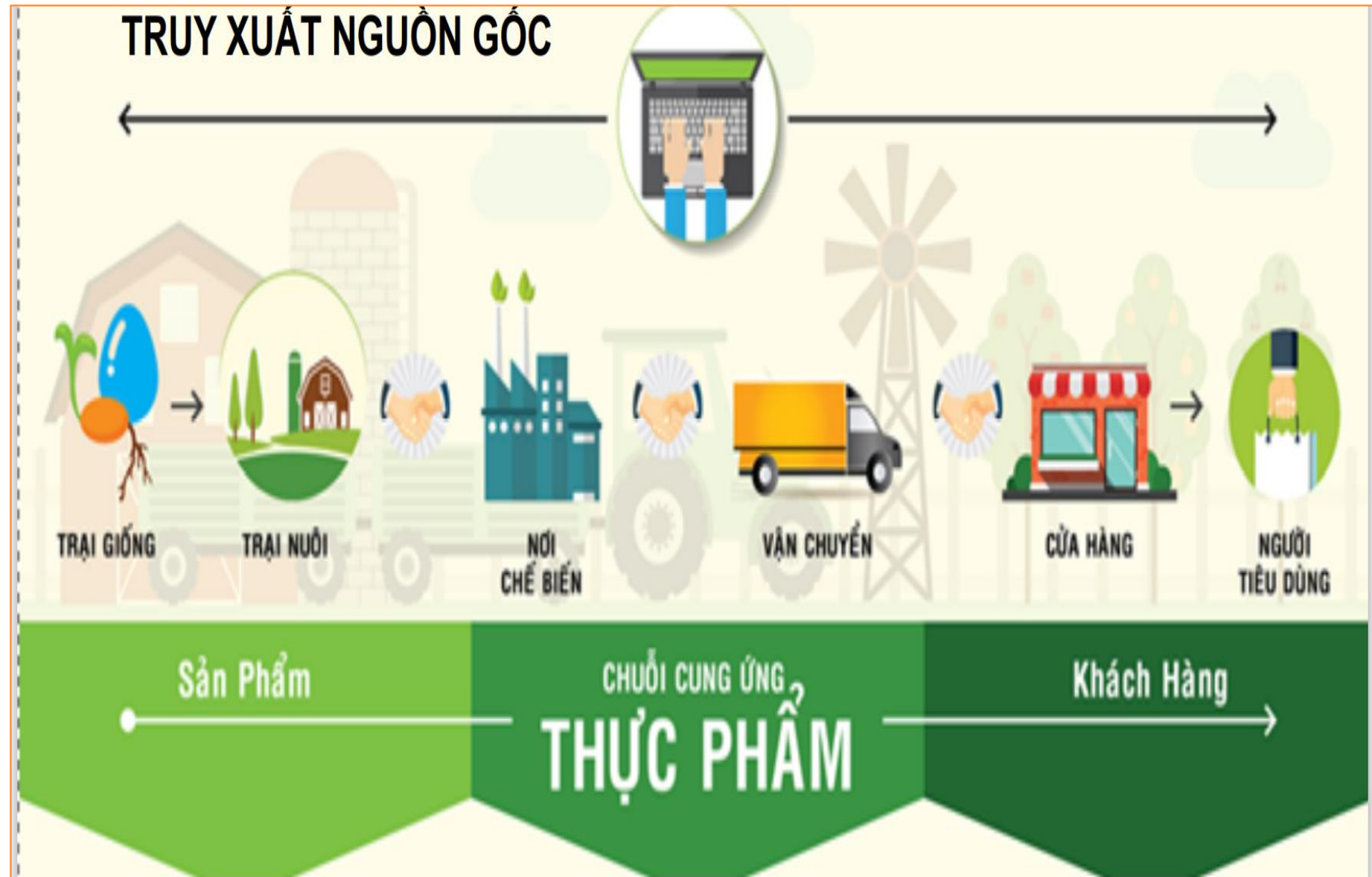
04. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Nông nghiệp

THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU

Đột phá chuỗi cung ứng. Mỗi hộ gia đình là một doanh nghiệp số



TRUY XUẤT NGUỒN GỐC





04. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Nông nghiệp

STT	Nhiệm vụ và Giải pháp	Cơ quan chủ trì
4.1	Phát triển, triển khai sàn thương mại điện tử để tăng cường quảng bá, tuyên truyền các sản phẩm nông nghiệp của địa phương, cải thiện hiệu quả kinh doanh.	Sở NN&PTNT; Sở Công Thương
4.2	Triển khai ứng dụng số hỗ trợ quan sát, giám sát, điều hành thông minh dựa trên dữ liệu số phục vụ công tác quản lý, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng các lĩnh vực của ngành nông nghiệp.	Sở NN&PTNT
4.3	Hỗ trợ, thúc đẩy người dân, tổ chức sử dụng/ứng dụng các công nghệ (như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, IoT...) để tự động hóa quy trình sản xuất, giúp phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp chính xác	Sở NN&PTNT
	Triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa nông sản	
4.4	Xây dựng Xã/Hợp tác xã mẫu về chuyển đổi số để làm các mô hình mẫu cho các xã, phường khác học hỏi và nhân rộng	Mỗi Quận, huyện chọn 1 xã để thực hiện
4.5	Thử nghiệm triển khai sáng kiến “Mỗi nông dân là một thương nhân, mỗi hợp tác xã là một doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số”	Sở NN&PTNT



05. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Giao thông vận tải, logistics

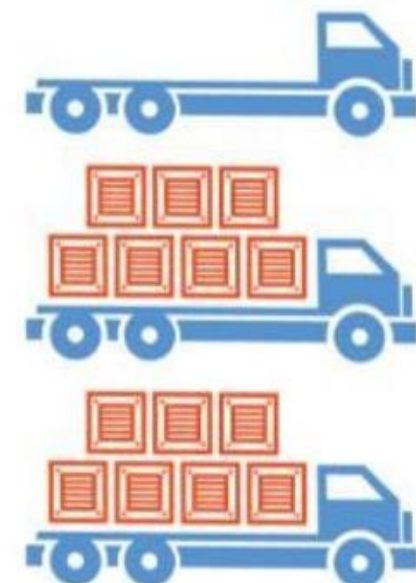
Chi phí logistics

ở Việt Nam cao hơn thế giới



Chi phí các doanh nghiệp phải trả cho dịch vụ giao nhận-kho vận (logistics) ở Việt Nam hiện đang ở mức cao so với mức trung bình của thế giới và một số nước châu Á. Thậm chí nếu không được cải thiện, dịch vụ logistics Việt Nam sẽ thua cả Lào và Campuchia.

Chi phí kho vận/GDP - (%)



1/3 lượng xe tải để trống trên đường về sau khi vận chuyển hàng

Chuỗi cung ứng thiếu ổn định



Vận tốc bình quân của xe tải lưu thông trên các tuyến quốc lộ Việt Nam



Độ tuổi bình quân xe tải ở Việt Nam - So với 7 năm ở Bắc Mỹ



Thủ tục hải quan ở Việt Nam so với mức tốt nhất ở Đông Nam Á



Chi phí lưu kho có thể tránh được mà các doanh nghiệp đang trả mỗi năm



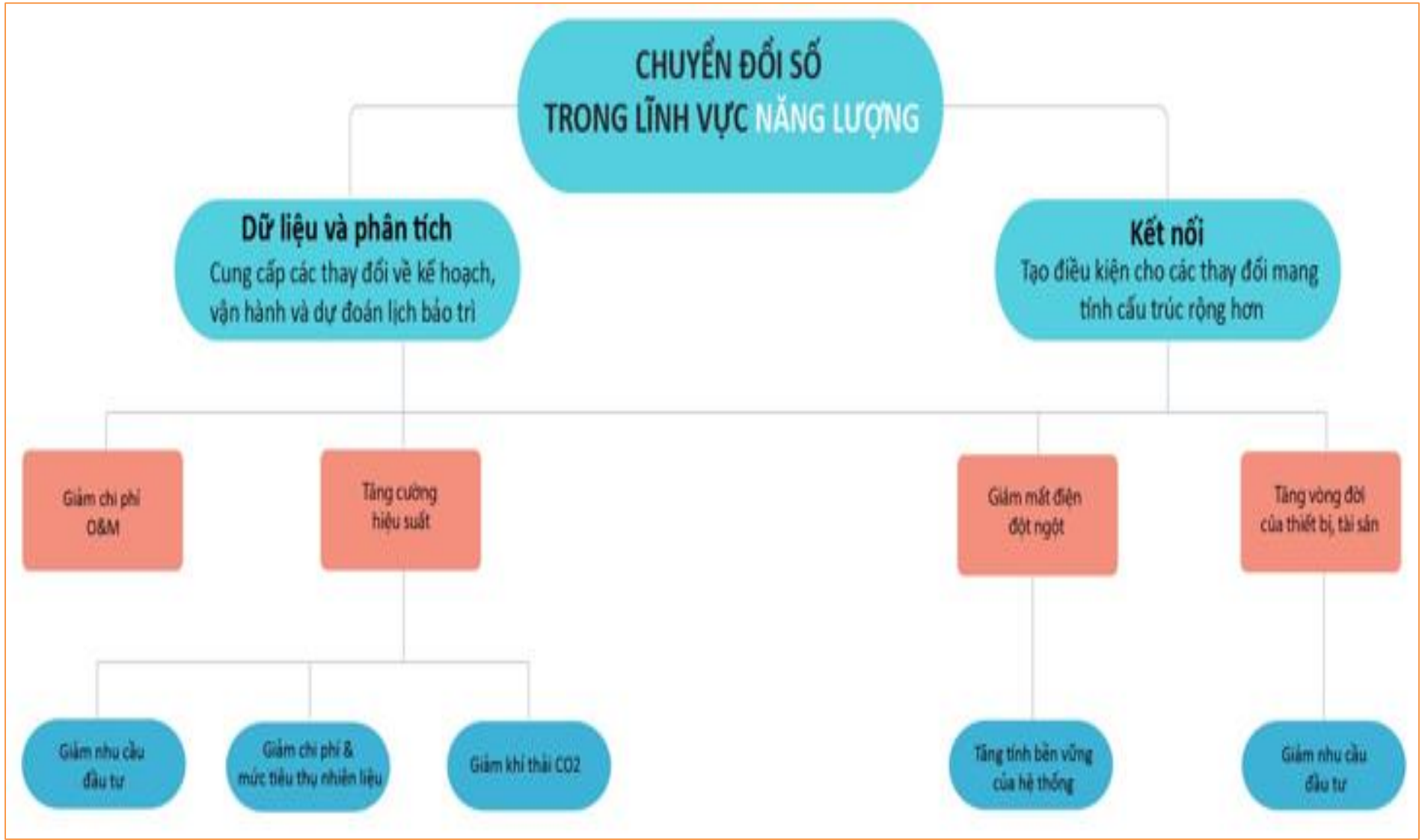
05. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Giao thông vận tải, logistics

STT	Nhiệm vụ và Giải pháp	Cơ quan chủ trì
5.1	Xây dựng Trung tâm điều hành giao thông thông minh	Sở Giao thông vận tải
5.2	Chuyển đổi số việc quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện kinh doanh vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện.	Sở Giao thông vận tải
5.3	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động logistics	Sở Công Thương
5.4	Phát triển các nền tảng kết nối giữa các chủ hàng, các đơn vị cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và khách hàng	Sở Giao thông vận tải; Sở Công Thương

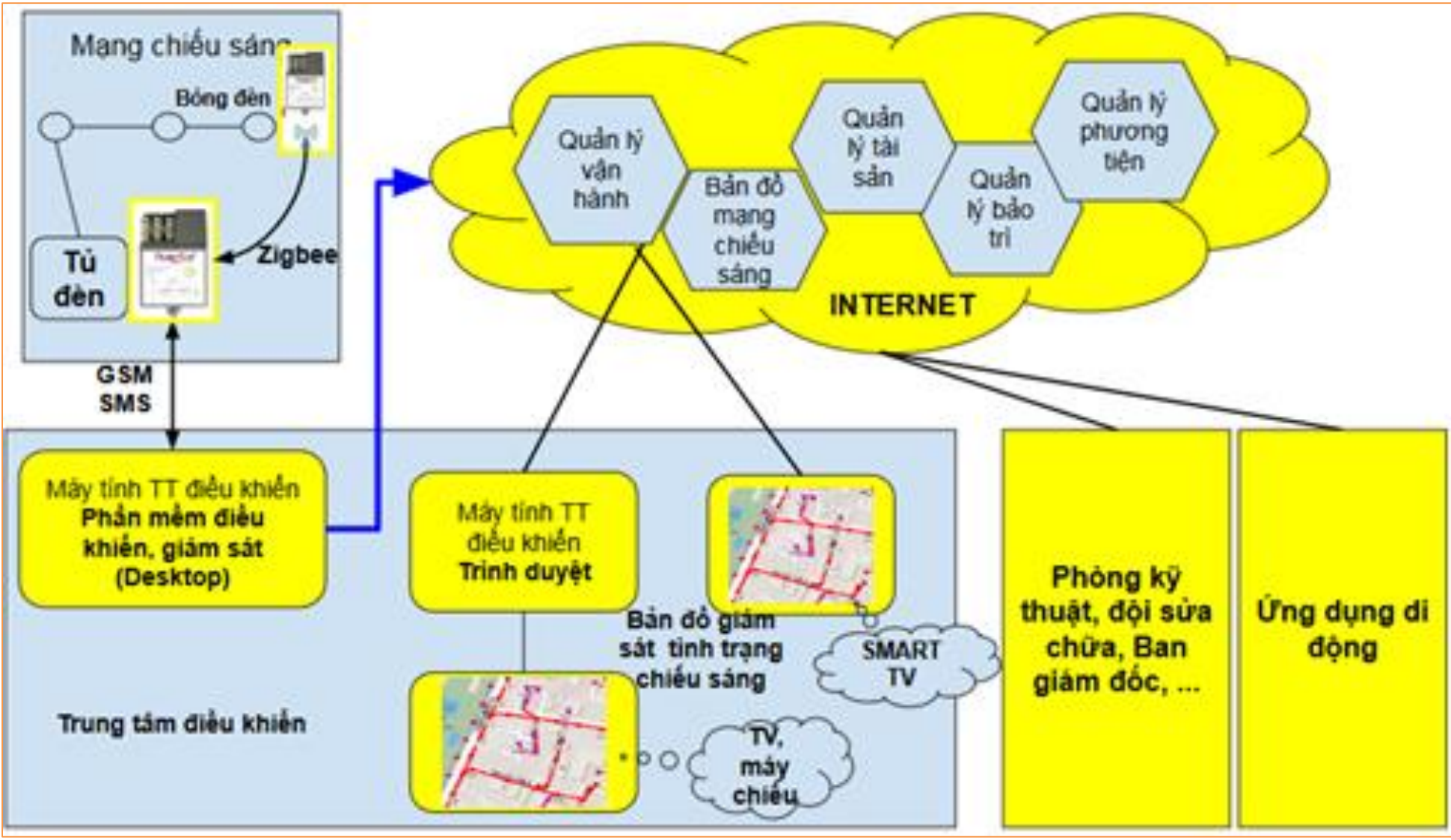


06. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Năng lượng

CHUYÊN VIÊN CÔNG NGHỆ



Tác động của chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng



Mô hình hệ thống phần mềm quản lý tập trung hệ thống chiếu sáng công cộng

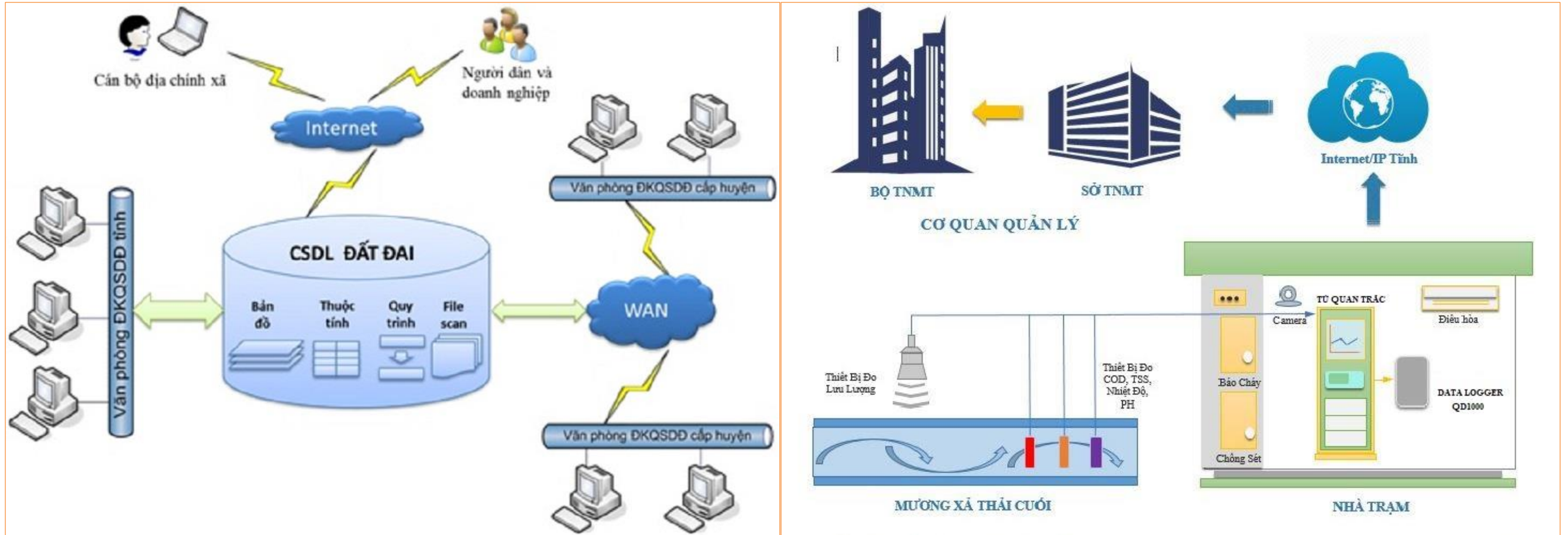


06. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Năng lượng

STT	Nhiệm vụ và Giải pháp	Cơ quan chủ trì
6.1	Triển khai các ứng dụng số phục vụ quản lý, điều hành trong lĩnh vực năng lượng.	Sở Công Thương
6.2	Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng dữ liệu lưới điện; ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giám sát việc cung cấp, truyền tải, phân phối và tiêu thụ điện	Sở Công Thương, Tổng công ty Điện lực thành phố
6.3	Xây dựng hạ tầng điện chiếu sáng công cộng trên nền GIS; áp dụng hệ thống cảm biến trên toàn bộ hạ tầng điện chiếu sáng công cộng thành phố phục vụ quản lý và giám sát tập trung	Sở Xây dựng



07. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường





07. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

STT	Nhiệm vụ và Giải pháp	Cơ quan chủ trì
7.1	Xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện về đất đai; cơ sở dữ liệu môi trường; cơ sở dữ liệu tài nguyên nước	Sở Tài nguyên và Môi trường
7.2	Xây dựng bản đồ số làm nền tảng phát triển các dịch vụ số phát triển kinh tế xã hội thành phố.	Sở Tài nguyên và Môi trường
7.3	Triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai	Sở Tài nguyên và Môi trường
7.4	Số hóa quy trình thu gom rác, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và xây dựng hệ thống quản lý giám sát thu gom rác thải theo thời gian thực và công khai cho người dân	Sở Tài nguyên và Môi trường
7.5	Triển khai Trung tâm dữ liệu, hạ tầng phục vụ kết nối mạng lưới thiết bị IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số	Sở Tài nguyên và Môi trường



08. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Sản xuất công nghiệp

STT	Nhiệm vụ và Giải pháp	Cơ quan chủ trì
8.1	Xây dựng cơ sở dữ liệu về số hóa ngành công nghiệp	Sở Công Thương
8.2	Hỗ trợ, thúc đẩy xây dựng, triển khai xưởng/nhà máy thông minh	Sở Công Thương
8.3	Xây dựng, triển khai hệ thống quản lý thông minh tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Sở Công Thương; Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp



09. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Du lịch

STT	Nhiệm vụ và Giải pháp	Cơ quan chủ trì
9.1	Triển khai hệ thống Thẻ du lịch thông minh tích hợp đa dạng các thông tin, dịch vụ, tiện ích cho du khách	Sở VH TT-DL
9.2	Xây dựng Cổng thông tin du lịch trực tuyến trên cơ sở số hóa toàn bộ điểm đến, sản phẩm du lịch, sự kiện văn hóa giải trí trên địa bàn sử dụng bản đồ số	Sở VH TT-DL
9.3	Ứng dụng thuyết minh du lịch trên thiết bị di động sử dụng các công nghệ chuyển đổi giọng nói giữa tiếng Việt và các ngôn ngữ thông dụng khác	Sở VH TT-DL
9.4	Tích hợp, kết nối nền tảng thanh toán trực tuyến của địa phương; khuyến khích, đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại các điểm đến du lịch	Sở VH TT-DL
9.5	Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch	Sở VH TT-DL
9.6	Xây dựng các hệ thống giám sát an ninh, an toàn thông minh từ xa, trung tâm thông tin và điều hành du lịch tại tất cả các điểm đến du lịch	Sở VH TT-DL



09. Chuyển đổi số trong Lĩnh vực Du lịch

7

Ứng dụng, thiết bị hệ thống

Thiết bị, RFID, Sensors, QRCode, NFC

Dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội

Ứng dụng di động

Cổng thông tin, Web Responsive

6

Du lịch

Các ứng dụng du lịch thông minh

Quản lý dữ liệu chung

Website Du lịch

Ứng dụng du lịch trên thiết bị di động

Wifi Public

Bản đồ số cho du lịch (GIS)

QR code trong trải nghiệm du lịch

Thực tại tăng cường (AR), Beacon

Phân tích dữ liệu du lịch

Hệ thống thu thập phản hồi

Khác

Hạ tầng dùng chung

1

Lớp hạ tầng

2

Lớp dữ liệu

3

Lớp tích hợp

4

Lớp quản lý danh

5

Lớp vận hành, quản lý hệ thống

VNPT đã triển khai cho **47** tỉnh, đã có **30** tỉnh khai trương, đã ký HĐ với **9** địa phương. Năm 2021 đang thúc đẩy ký HĐ **9** địa phương



KINH PHÍ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ

- 1.** Kinh phí cho chuyển đổi số bao gồm: ngân sách Trung ương và ngân sách Địa phương; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng; nguồn vốn nước ngoài và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.
- 2.** Kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các Sở, Ban ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện theo quy định hiện hành và được lồng ghép trong kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm.
- 3.** Ưu tiên nguồn vốn khoa học và công nghệ và các nguồn vốn khác để triển khai các nhiệm vụ, dự án khác thuộc Kế hoạch này.
- 4.** Huy động nguồn kinh phí từ xã hội, doanh nghiệp, vốn của các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo chương trình, đề án đã được phê duyệt.



TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TP CẦN THƠ

- **Ban chỉ đạo CDS TP:** Đôn đốc, điều phối chung việc triển khai hoạt động chuyển đổi số từ cấp TP đến cấp xã.
- **Sở TTTT:** Tham mưu Ban Chỉ đạo; xây dựng kế hoạch hàng năm; tổng hợp báo cáo; xây dựng cơ chế chính sách; tổ chức tuyên truyền; thẩm định các dự án, hạng mục CNTT; triển khai các HTTT, CSDL dùng chung
- **Sở KHĐT, Sở TC:** bố trí kinh phí...; **Sở KHCN:** đề tài nghiên cứu, khởi nghiệp...; **Sở Nội vụ:** thi đua, khen thưởng...
- **Các cơ quan nhà nước trên địa bàn:**
 - + Thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số; Tổ Công nghệ số cộng đồng
 - + Xây dựng kế hoạch và đề xuất các nhiệm vụ, dự án cụ thể triển khai chuyển đổi số.
 - + rà soát đánh giá và đề xuất cập nhật sửa đổi danh mục nhiệm vụ/dự án hàng năm theo tình hình, nhu cầu thực tiễn để làm cơ sở điều chỉnh các kế hoạch đầu tư công cho phù hợp.
 - + Phối hợp với các cơ quan, đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành; các dự án về nền tảng công nghệ dùng chung của thành phố đảm bảo tính đồng bộ, kết nối chia sẻ dữ liệu.
 - + Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho CBCC, VC thuộc ngành, địa phương mình về chuyển đổi số.
- **Thành Đoàn, Đài PTTH; Báo đài:** công tác tuyên truyền ...
- **Các Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn thành phố:** đào tạo nguồn nhân lực ...



YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP QUẬN, HUYỆN

- Các đơn vị cấp huyện phải phối hợp triển khai và sử dụng có hiệu quả các sản phẩm, dịch vụ số do các cơ quan cấp trên cung cấp (nhất là phần mềm, ATTT ...).
- Các đơn vị cấp huyện chỉ phát triển, triển khai các ứng dụng chuyển đổi số có tính đặc thù của địa phương.
- Bảo đảm việc triển khai các HTTT đồng bộ, thống nhất với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan; tận dụng tối đa các nền tảng công nghệ, và hạ tầng ICT đã có; không đầu tư trùng lặp với các nội dung do các sở, ngành hoặc các cơ quan Trung ương đã triển khai.
- Bảo đảm việc triển khai chuyển đổi số phải gắn liền với hiện trạng, nhu cầu và các bài toán cấp thiết phải giải quyết trên địa bàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội từ cấp huyện đến cấp xã, có khả năng định lượng, đo lường, đánh giá các kết quả chuyển đổi số; phù hợp với chương trình chuyển đổi số chung của thành phố.
- Cần quan tâm đầu tư kinh phí để trang bị máy tính, máy scan ... phục vụ số hóa hồ sơ.



YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ

- Các cơ quan hành chính cấp xã phải phối hợp triển khai và sử dụng có hiệu quả các sản phẩm, dịch vụ số do các cơ quan cấp trên cung cấp (nhất là phần mềm, ATTT ...).
- Tăng cường phổ biến, phổ cập các công cụ hỗ trợ người dân làm quen, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số hỗ trợ đa phương tiện (âm thanh, video, hình ảnh...).
- Xây dựng, triển khai mô hình Nhà văn hoá thông minh ấp, khu vực với cơ sở vật chất, thiết bị CNTT hiện đại để phục vụ sinh hoạt, học tập, giải trí tại trung tâm học tập cộng đồng cho bà con nhân dân.
- Thúc đẩy người dân làm quen, sử dụng các thiết bị di động để tiếp cận, làm quen và tích cực sử dụng các sản phẩm số, dịch vụ số, giúp hình thành văn hóa số.
- Quận/Huyện xem xét triển khai thí điểm chuyển đổi số tại cấp xã để tổng kết, rút kinh nghiệm hoặc đánh giá các tác động, ảnh hưởng và khả thi trước khi triển khai nhân rộng.



YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ

Chuyển đổi số xã là việc của:

1

Lãnh đạo chính quyền xã

2

Tổ chức chính trị và xã hội trên địa bàn xã

3

Cán bộ chính quyền xã

4

Các Bí thư, Đội trưởng, Đoàn Thanh niên Khối, xóm

5

Các hộ gia đình

6

Người dân



YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ

Chuyển đổi nhận thức

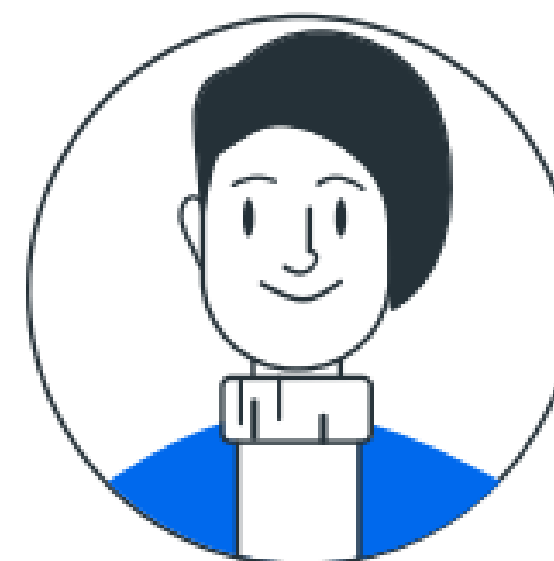
$$\frac{3c(2)^4}{x+y+c}$$



Người đứng đầu đóng vai trò quyết định về chuyển đổi số của địa phương đó

Tìm ra những bài toán có ảnh hưởng trực tiếp đến người dân, đến đời sống hàng ngày để giải quyết, mang lại hiệu quả, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân

Tổ chức đào tạo, tập huấn hướng dẫn lãnh đạo xã và toàn thể cán bộ công chức xã





YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ

Chuyển đổi trong cách thức hoạt động chính quyền



Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của xã



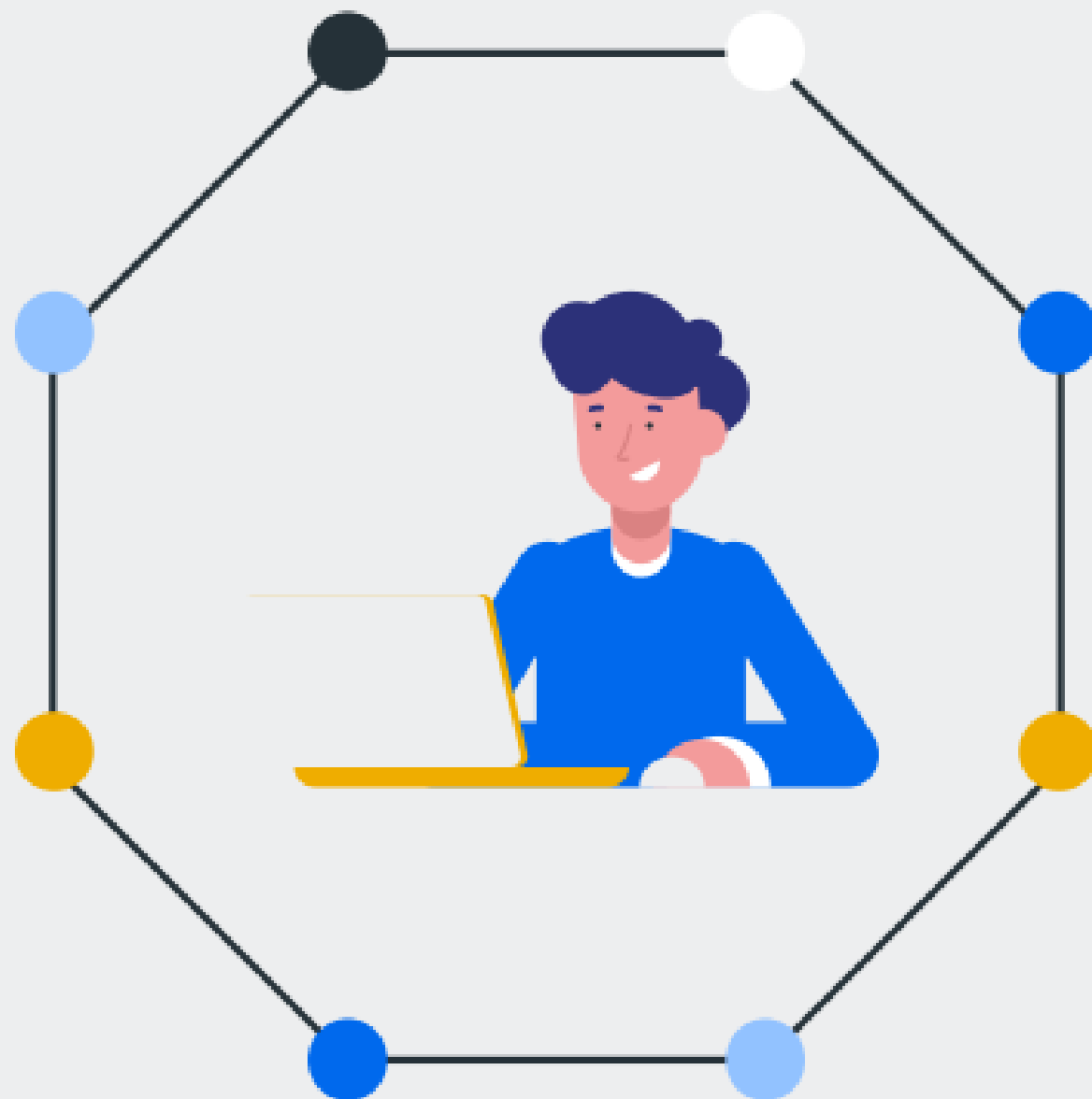
Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4



Nâng cao hiệu quả vận hành của Hệ thống một cửa điện tử của xã, kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh



Đảm bảo 100% cán bộ công chức xã đã được cấp hòm thư điện tử công vụ.



Tăng cường cung cấp thông tin, minh bạch các chủ trương, chính sách trên Cổng thông tin điện tử



Thúc đẩy hiệu quả sử dụng của Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến



Số hoá các cơ sở dữ liệu của xã

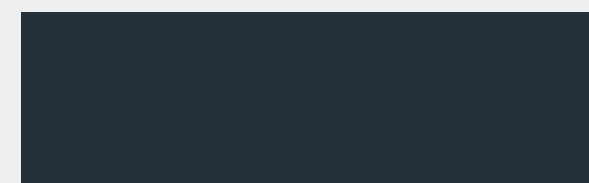


YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ

Chuyển đổi trong kinh tế xã



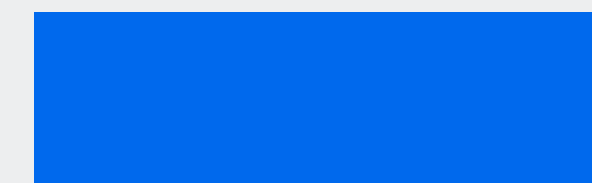
Rà soát các hoạt động kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ có trên địa bàn và hướng dẫn hộ kinh doanh tăng cường ứng dụng công nghệ



Triển khai các hoạt động thương mại điện tử đối với việc kinh doanh, buôn bán



Tuỳ theo các ngành nghề cụ thể, tìm hiểu các nền tảng số hiện có để hỗ trợ trong các hoạt động. Ví dụ như nông nghiệp, du lịch, homestay, ...



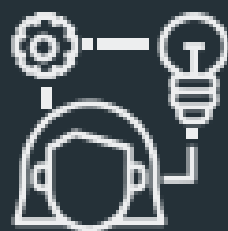
Phối hợp các cơ quan liên quan để tạo các địa chỉ số, triển khai VpostCode.



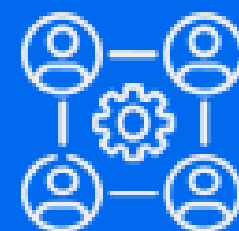


YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP XÃ

Chuyển đổi trong xã hội



Triển khai Hệ thống khám chữa bệnh từ xa (Telehealth) để lắp đặt tại Trung tâm y tế xã.



Tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng thanh toán của ngân hàng, mobile money. Ứng dụng để thanh toán các tiện ích thiết yếu như tiền điện, nước, Internet...



Giới thiệu các nền tảng học tập, đào tạo trực tuyến để người dân biết và tham gia.



Cám ơn